

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH14OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

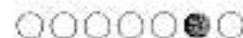
Phòng Thi RD302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH12NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12137023	Lưu Đình Hồng	DH12NL			0	7	5,5	5,5	○○○1234●6789○	○○1234●6789
2	12344932	Nguyễn Trùng Dương	CD12C1			7	6,9	2,5	4,3	○○○123●56789○	○○12●456789
3	13138022	Trần Anh Kiệt	DH13C1			0	5,8	4	4,1	○○○123●56789○	○○●123456789
4	13118109	Phạm Đạt	DH13C1			10	6,2	4	5,3	○○○123456789○	○○12●456789
5	13118114	Trần Minh Đạt	DH13C1			9	8,6	4	5,9	○○○1234●6789○	○○12345678●
6	13118199	Đào Huy Long	DH13C1			10	6,6	5	6,0	○○○12345●6789○	●○○123456789
7	13118269	Võ Minh Tấn	DH13C1			9	6,9	8	7,8	○○○123456●789○	○○1234567●9
8	13118353	Huỳnh Đức Vũ	DH13C1			10	6	4,5	5,5	○○○1234●6789○	○○123456789
9	13137133	Nguyễn Đại Hiền	DH13NL			0	7,2	5	5,2	○○○1234●6789○	○○●123456789
10	13137141	Trần Thông Huân	DH13NL			8	5,9	6	6,2	○○○12345●6789○	○○●123456789
11	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13113			9	7,9	3,5	5,4	○○○12345●6789○	○○123456789
12	13154035	Chùa Vĩnh Minh	DH1301			8	9	5,5	6,8	○○○12345●6789○	○○1234567●9
13	13154063	Trần Minh Trí	DH1301			0	7,4	1	2,8	○○○1●23456789○	○○1234567●9
14	13154090	Vũ Văn Cường	DH1301			8	7,1	2	4,1	○○○123●456789○	○○●123456789
15	13154111	Huỳnh Ngọc Hoài	DH1301			10	8,3	4	5,9	○○○12345●6789○	○○12345678●



Mã nhận dạng 05084

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH14OT_01

Số lần CT: 2

Ngày Thi 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số 16	D1 10 %	D2 30 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			10	8,5	4,5	6,3	0001234567890	00123456789
17	13154161	Trương Minh Quang	DH13OT			8	0	1	1,4	0001234567890	00123456789
18	13154185	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			7	8,6	2	4,5	0001234567890	00123456789
19	13334018	Nguyễn Văn Cảnh	CD13CI			6	6,4	5	5,5	0001234567890	00123456789
20	13334133	Lê Đình Nhân	CD13CI			7	6,1	5,5	5,8	0001234567890	00123456789
21	13334181	Trần Văn Thành	CD13CI			0	6,7	1	2,6	0001234567890	00123456789
22	13334214	Trần Quốc Tiến	CD13CI			7	5,8	3,5	4,5	0001234567890	00123456789
23	13334216	Phạm Văn Tuấn	CD13CI			7	5,5	1,5	3,3	0001234567890	00123456789
24	14118007	Vũ Văn Cảnh	DH14CK			8	6,9	3,5	5,0	0001234567890	00123456789
25	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			7	7,6	5	6,0	0001234567890	00123456789
26	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			7	8,3	3	5,0	0001234567890	00123456789
27	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			8	6,9	3	4,7	0001234567890	00123456789
28	14118109	Đào Đình Cảnh	DH14CK			7	6	4	4,9	0001234567890	00123456789
29	14118123	Nguyễn Ngọc Công	DH14CK			7	7,8	3,5	5,1	0001234567890	00123456789
30	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			7	0	6	4,3	0001234567890	00123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DH14OT_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV302

Giảng Viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138246	Trần Văn	Lão	Trần		7	8,3	4	5,6	0001234567890	00123456789
2	14138287	Lê Văn	Trung	Lê		7	7,8	4,5	4,0	0001234567890	00123456789
3	14138317	Phạm Ngọc	Chấn	Phạm		8	5,3	4	4,8	0001234567890	00123456789
4	14137099	Trương Quốc	Vương	Trương		10	7,6	3,5	5,4	0001234567890	00123456789
5	14138002	Nguyễn Mạnh	Ưông	Nguyễn		9	7,8	9	8,6	0001234567890	00123456789
6	14138007	Sâm Văn	Đạo	Sâm		7	0	0,5	4,0	0001234567890	00123456789
7	14138008	Lê Văn	Đông	Lê		10	0	4	3,4	0001234567890	00123456789
8	14138011	Nguyễn Chấn	Hương	Nguyễn		8	7,2	3	4,8	0001234567890	00123456789
9	14138012	Nguyễn Duy	Hương	Nguyễn		8	6,4	0,5	3,0	0001234567890	00123456789
10	14138016	Phạm Đăng	Khôi	Phạm		8	6,4	2	3,9	0001234567890	00123456789
11	14138019	Nguyễn Chấn	Luân	Nguyễn		8	7	2,5	4,4	0001234567890	00123456789
12	14138021	Trần Đức	Nhân	Trần		7	7,6	3,5	5,1	0001234567890	00123456789
13	14138026	Nguyễn Thanh	Quang	Nguyễn		6	6,2	4	4,9	0001234567890	00123456789
14	14138028	Phan Văn	Sỹ	Phan		7	7	2	4,0	0001234567890	00123456789
15	14138032	Lâm Văn	Triển	Lâm		10	6,4	6	6,5	0001234567890	00123456789



Mã nhận dạng 05085



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DHH40T_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp:

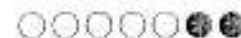
DHH4TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138037	Hồ Mạnh	A	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	7	3,1	1	3,4	0001234567890	01234567890
17	14138045	Nguyễn Thanh	B	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	7	7,4	5	6,0	0001234567890	01234567890
18	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	C	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	7	7,6	2	4,2	0001234567890	01234567890
19	14138068	Vũ Lê Hoàn	Nam	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	8	5,8	1	3,1	0001234567890	01234567890
20	14138096	Nguyễn Công	Triển	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	8	6,5	25	4,3	0001234567890	01234567890
21	14138100	Nguyễn Văn	Trình	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	10	7,4	5,5	6,5	0001234567890	01234567890
22	14138109	Nguyễn Trọng	Trí	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	8	6,4	4	5,1	0001234567890	01234567890
23	14138109	Nguyễn Thái	Trương	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	8	7,2	4	5,4	0001234567890	01234567890
24	14138113	Trần Châu	B	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	8	7,4	5,5	6,3	0001234567890	01234567890
25	14153031	Lê Ngọc	Nam	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	6	5,3	4	5,6	0001234567890	01234567890
26	14153058	Nguyễn Văn	Trần	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	/	/	/	/	0001234567890	01234567890
27	14153137	Phạm Ngọc	Trí	DHH4TD	<i>Handwritten signature</i>	6	5,5	3	4,1	0001234567890	01234567890
28	14154005	Nông Chí	B	DHH4OT	<i>Handwritten signature</i>	8	6,4	1	3,3	0001234567890	01234567890
29	14154006	Phạm Văn	B	DHH4OT	<i>Handwritten signature</i>	10	7,9	5,5	6,7	0001234567890	01234567890
30	14154009	Nguyễn Hoà	Trí	DHH4OT	<i>Handwritten signature</i>	9	5,7	3	4,4	0001234567890	01234567890



Mã nhận dạng 05085



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DH1401_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

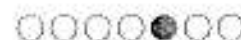
Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp: DH1401 (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154016	Trần Thanh Tú	Trm			10	7,9	5,5	6,7	00012345678910	0123456789
32	14154018	Trần Bá	Hiền			7	0	4	3,1	00012345678910	0123456789
33	14154019	Lê Minh	Hiền			0	0	0	0	00012345678910	0123456789
34	14154020	Vũ Anh	Hiền			10	6,5	2,5	4,5	00012345678910	0123456789
35	14154027	Cao Hương	Khanh			7	6,9	2	4,0	00012345678910	0123456789
36	14154028	Dặng Tuấn	Kiệt			7	7,2	2,5	4,4	00012345678910	0123456789
37	14154030	Đỗ Đức	Linh			7	7,6	4,5	5,7	00012345678910	0123456789
38	14154033	Trần Phạm	Lộc			7	7,8	4,5	5,7	00012345678910	0123456789
39	14154034	Phạm Trọng	Lâm			/	/	/	/	00012345678910	0123456789
40	14154037	Hoàng Văn	Nam			8	7,9	1	3,8	00012345678910	0123456789
41	14154039	Nguyễn Hoài	Nam			10	7,6	3	5,1	00012345678910	0123456789
42	14154041	Vũ Văn	Phát			/	/	/	/	00012345678910	0123456789
43	14154043	Nguyễn Thành	Quân			7	7,6	2	4,2	00012345678910	0123456789
44	14154053	Võ Hoàng	Thắng			8	7,2	2,5	4,5	00012345678910	0123456789
45	14154058	Lê Đức	Thắng			10	7,9	2	4,6	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05085

Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DHI40T_01

Số Tin CT 2

Ngày Thi 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp

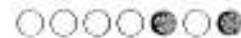
DHI40T (Công nghệ kỹ thuật điện)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14154059	Phạm Văn	Thúc	DHI40T	—	—	—	—	—	0001234567890	0123456789
47	14154060	Tăng Quốc	Tiến	DHI40T	—	7	6,5	1	3,3	0001234567890	0123456789
48	14154062	Nguyễn Thế	Trưng	DHI40T	—	10	9	1	4,3	0001234567890	0123456789
49	14154067	Dỗ Đức	Anh	DHI40T	—	6	7,2	1	3,4	0001234567890	0123456789
50	14154076	Nguyễn Quốc	Cường	DHI40T	—	0	6,6	3,5	4,1	0001234567890	0123456789
51	14154077	Nguyễn Quốc	Cường	DHI40T	—	9	7,2	2,5	4,6	0001234567890	0123456789
52	14154079	Nguyễn Thị Hết	Dũng	DHI40T	—	10	7,2	7	7,4	0001234567890	0123456789
53	14154080	Nguyễn Hoàng	Diệp	DHI40T	—	7	5,9	1	3,1	0001234567890	0123456789
54	14154090	Hồ Thuận	Hân	DHI40T	—	7	6,9	2,5	4,3	0001234567890	0123456789
55	14154091	Nguyễn Văn	Hành	DHI40T	—	8	0	3	2,6	0001234567890	0123456789
56	14154093	Trương Bui	Thị	DHI40T	—	10	8,3	3,5	5,6	0001234567890	0123456789
57	14154094	Trần Thanh	Hoàng	DHI40T	—	8	7,2	3,5	5,1	0001234567890	0123456789
58	14154096	Trần Thanh	Hoàng	DHI40T	—	7	7,4	7	7,1	0001234567890	0123456789
59	14154097	Hoàng Văn	Học	DHI40T	—	7	7,1	3	4,6	0001234567890	0123456789
60	14154098	Lê Thái	Hà	DHI40T	—	10	6,7	5,5	6,3	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05085



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DHI40T_01

Số lần CH 2

Ngày Thi 08/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV 302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DHI40T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14154102	Nguyễn Đình Huy	DHI40T		1	8,0	7,5	6,5	7,1	0001234567890	00234567890
62	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DHI40T			0	7,2	1,5	3,1	0001234567890	00234567890
63	14154116	Trịnh Đình Linh	DHI40T							0001234567890	00234567890
64	14154119	Nguyễn Văn Minh	DHI40T			7	8,3	3	5,0	0001234567890	00234567890
65	14154130	Vương Ninh	DHI40T			7	6,5	3	4,5	0001234567890	00234567890
66	14154131	Nguyễn Văn Phát	DHI40T			9	7,8	7	7,4	0001234567890	00234567890
67	14154133	Trương Đình Phi	DHI40T			8	7,8	3	5,0	0001234567890	00234567890
68	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DHI40T			7	8,6	4	5,7	0001234567890	00234567890
69	14154143	Trần Hữu Thành	DHI40T			9	6,9	4	5,4	0001234567890	00234567890
70	14154146	Nguyễn Trung Việt	DHI40T			9	7,2	4	5,5	0001234567890	00234567890
71	14154156	Trần Hữu Tuấn	DHI40T			10	6,9	6	6,7	0001234567890	00234567890
72	14154166	Vũ Duy Tài	DHI40T			7	7,2	3,5	5,0	0001234567890	00234567890

Số sinh viên dự thi 67 Số sinh viên vắng 5

Ngày Tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001 DH14CB 02

Số lần (7) 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phong Hu TV102

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

1 cm

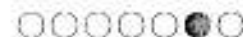
DH12GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trace 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12115067	Trần Mạnh	Quyết	DH12GN		1	0.2	0.9	2.0	00010000000000000000	001234567890
2	12138027	Luong Thê	Anh	DH121D		1	0.4	0.7	2.1	00010000000000000000	001234567890
3	12154132	Nguyen Thi Duong	Lộc	DH120H		1	1.2	0.8	3.0	00010000000000000000	001234567890
4	12154143	Luu Lam	Kiến	DH120H		1	0.4	0.7	2.1	00010000000000000000	001234567890
5	12154247	Nguyen Chuoi	Quang	DH120H		1	0.6	0.7	2.3	00010000000000000000	001234567890
6	12144158	Ngô Văn	Linh	CD1201		1	0.4	0.7	2.1	00010000000000000000	001234567890
7	14114372	Lê Thị Mỹ	Linh	DH140H		1	1	1.4	3.4	00010000000000000000	001234567890
8	14115004	Lưu Thị Ngọc	Anh	DH14GN		1	2	7	10	00010000000000000000	001234567890
9	14115008	Nguyễn Ngọc	Chi	DH14GN		Cấm thi			—	00010000000000000000	001234567890
10	14115025	Phạm Thanh	Hà	DH14GN		1	0.4	1.4	2.8	00010000000000000000	001234567890
11	14115050	Trương Văn	Hưng	DH14CH		1	0.8	1.4	3.2	00010000000000000000	001234567890
12	14115054	Hồ Ngọc	Khánh	DH14CH		1	1	1.4	3.4	00010000000000000000	001234567890
13	14115084	Nguyễn Thị Bé	Ngọc	DH14CH		1	—	4.2	5.2	00010000000000000000	001234567890
14	14115093	Lê Thị Kim	Quỳnh	DH14CH		1	1.8	6.3	9.1	00010000000000000000	001234567890
15	14115109	Nguyễn Duy	Tân	DH14GN		1	1.6	5.6	8.2	00010000000000000000	001234567890



Mã nhận dạng 05088



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 001_DHI4CB_02

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

Lớp: DHI4CB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
16	14115125	Trần Thị Mỹ	Thao	<i>pho</i>		1	1.6	4.4	7.0	0001234567890	01234567890
17	14115160	Lê Văn	Ác	✓	✓	Cấm thi			✓	0001234567890	01234567890
18	14115190	Lý Minh	Đào	<i>Minh</i>		1	0.6	0.7	2.3	0001234567890	01234567890
19	14115201	Nguyễn Nhật	Minh	✓	✓	Cấm thi			✓	0001234567890	01234567890
20	14115206	Nguyễn Phú	Nguyễn	<i>Phu</i>		Cấm thi			✓	0001234567890	01234567890
21	14115220	Nguyễn Trung	Phu	<i>Phu</i>		1	1	0.7	2.7	0001234567890	01234567890
22	14115226	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	<i>Quỳnh</i>		1	1.2	8.3	8.5	0001234567890	01234567890
23	14115234	Phạm Bá	Tu	<i>Phu</i>		1	0.6	0.7	2.3	0001234567890	01234567890
24	14115238	Nguyễn Xuân Hoàng	Thao	<i>Phu</i>		1	0.4	1.4	2.8	0001234567890	01234567890
25	14115240	Vũ Thị Ngọc	Thao	✓	✓	Cấm thi			✓	0001234567890	01234567890
26	14115248	Ôn Thị Thanh	Thao	<i>Phu</i>		1	0.8	2.8	4.6	0001234567890	01234567890
27	14115262	Trần Hà Danh	Trang	<i>Phu</i>		Cấm thi			✓	0001234567890	01234567890
28	14115277	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	<i>Phu</i>		1	1	6.5	8.5	0001234567890	01234567890
29	14115287	Trần Công	Bích	<i>Phu</i>		1	0.4	0.7	2.1	0001234567890	01234567890
30	14115385	Phan Thị Thu	Trang	<i>Phu</i>		1	1.8	4.2	7.0	0001234567890	01234567890



Mã nhận dạng 05088



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 001_DH14CB_02

Số tín chỉ: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

Lớp: DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115406	Nguyễn Văn	Trương	DH14GN	<i>Long</i>	1	1.8	6.3	9.1	00012345678910	00123456789
32	14115412	Vũ Thị Thanh	Luyện	DH14GN	<i>Thanh</i>	1	0.8	3.5	5.3	00012345678910	00123456789
33	14118022	Nguyễn Mạnh	Đại	DH14CK	<i>✓</i>	1	0.4	✓	✓	00012345678910	00123456789
34	14118026	Nguyễn Đức	Hiền	DH14CK	<i>Đh</i>	1	0.2	1.4	2.6	00012345678910	00123456789
35	14118038	Trương Công	Việt	DH14CK	<i>Việt</i>	1	0.4	1.4	2.8	00012345678910	00123456789
36	14118057	Tạ Minh	Quân	DH14CK	<i>✓</i>	1	0.4	1.4	2.8	00012345678910	00123456789
37	14118081	Lê Ngọc Đình	Trình	DH14CK	<i>Trình</i>	1	0.4	3.9	5.3	00012345678910	00123456789
38	14118116	Trương	Chiến	DH14CK	<i>chiến</i>	1	0.6	4.4	6.0	00012345678910	00123456789
39	14118149	Hà Văn	Việt	DH14CK	<i>Việt</i>	1	0.3	0.7	2.0	00012345678910	00123456789
40	14118162	Bùi Xuân	Hoàng	DH14CK	<i>Hoàng</i>	1	0.4	1.4	2.8	00012345678910	00123456789
41	14118170	Bùi Quang	Thay	DH14CK	<i>Thay</i>	1	0.2	1.4	2.6	00012345678910	00123456789
42	14118216	Nguyễn Nhật	Phan	DH14CK	<i>Phan</i>	1	0.4	1.4	2.8	00012345678910	00123456789
43	14118221	Nguyễn Đình	Phượng	DH14CK	<i>Phượng</i>	1	0.8	4.2	6.0	00012345678910	00123456789
44	14118259	Nguyễn Công	Thế	DH14CK	<i>Thế</i>	1	0.6	✓	✓	00012345678910	00123456789
45	14118264	Nguyễn Xuân	Thiền	DH14CK	<i>Thiền</i>	1	0.4	0.7	2.1	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 05088

Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH14CB_02

Số tín chỉ: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phụng

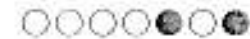
Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tung	Tên Lớp	Chữ ký	Số tổ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm L. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14138304	Phạm Thành	Tung	DH14CK	TW		1	1	2.1	4.1	0000234567890	00023456789
47	14138309	Bà Thanh	Vinh	DH14CK	W		1	0.5	3.5	5.0	0000234567890	00023456789
48	14138327	Nguyễn Duy	Xuan	DH14CK	Xuan		1	0.4	3.2	4.6	0000234567890	00023456789
49	14137044	Nguyễn Hoài	Nam	DH14N1	giao		1	0.6	2.8	4.4	0000234567890	00023456789
50	14137044	Nguyễn Hữu	Thế	DH14N1	Thế		1	0.4	0.7	2.1	0000234567890	00023456789
51	14137044	Trần Kim	Tu	DH14N1	Kim		1	0.3	0.7	2.0	0000234567890	00023456789
52	14137044	Lê Đình	Ba	DH14N1	Ba		0.5	0.4	0.7	1.6	0000234567890	00023456789
53	14137044	Trương Hoàng	Dạ	DH14N1	Hoàng		1	0.8	2.8	4.6	0000234567890	00023456789
62	14137044	Vũ Trung	Hoa	DH14N1	V	V					0000234567890	00023456789
55	14137044	Nguyễn Thanh	Hoa	DH14N1	V	V	0.5	0.8			0000234567890	00023456789
56	14137044	Nguyễn Văn	Ka	DH14N1	V	V	0.5	0.4			0000234567890	00023456789
57	14137044	Nguyễn Nhật	Kien	DH14N1	Ng		1	0.5	3.5	5.0	0000234567890	00023456789
58	14137044	Nguyễn Hữu	Nhat	DH14N1	Nhat		1	1	3	5.0	0000234567890	00023456789
59	14137044	Lê Minh	Nhat	DH14N1	Minh		1	0.3	0.7	2.0	0000234567890	00023456789
60	14137044	Trần Minh	Quang	DH14N1	Quang		1	0.6	2.8	4.4	0000234567890	00023456789



Mã nhận dạng 05088



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001 DH14CB_02

Số lần Ch: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV102

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

Lớp: DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm K
61	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			1	0.6	2.1	3.7	0001234567890	00123456789
62	14137089	Đinh Như Tuấn	DH14NL			1	1	2.1	4.1	0001234567890	00123456789
63	14137091	Phạm Đức Duy	DH14NL			1	0.6	0.7	2.3	0001234567890	00123456789
64	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			1	0.8	0.7	2.5	0001234567890	00123456789
65	14137100	Trần Việt Nhật	Vy	✓	✓	1	0.2	-	-	0001234567890	00123456789
66	14153003	Nguyễn Chí Bạt	DH14CD			1	0.4	0.7	2.1	0001234567890	00123456789
67	14153006	Trần Đình Duy	DH14CD			1	1	2.1	4.1	0001234567890	00123456789
68	14154024	Nguyễn Phú Hưng	DH14OI			1	1.4	1.6	4.0	0001234567890	00123456789
69	14154060	Tăng Quốc Cường	DH14OI			1	1.4	1.6	4.0	0001234567890	00123456789
70	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OI	✓	✓	1	0.2	-	-	0001234567890	00123456789

Số sinh viên dự thi: 59 Số sinh viên vắng: 11

Ngày: _____ Tháng: _____ Năm: _____

Chữ ký của thí sinh 1

Chữ ký của thí sinh 2

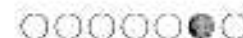
Xác nhận của Bộ Môn

Chữ ký của Cán Bộ Chấm Thi 1

Chữ ký của Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 05089



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH14GN_03

Số Tin CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

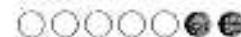
Lớp: DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115097	Bùi Văn Quốc	DH14GN	<i>Bùi Văn Quốc</i>		1	1	2.1	4.1	0001234567890	00234567890
17	14115127	Đoàn Thị Thúy	DH14GN	<i>Đoàn Thị Thúy</i>		1	1	6	8.0	0001234567890	01234567890
18	14115138	Trần Đức Thu	DH14GN	<i>Trần Đức Thu</i>		1	0.5	3.5	5.0	0001234567890	01234567890
19	14115181	Nguyễn Minh Hào	DH14GN	<i>Nguyễn Minh Hào</i>		0.5	0.2	2.1	2.8	0001234567890	01234567890
20	14115184	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	DH14GN	<i>Nguyễn Thị Hồng Hạnh</i>		1	2	7	10	0001234567890	01234567890
21	14115215	Phạm Trần Trúc Nhi	DH14GN	<i>Phạm Trần Trúc Nhi</i>		1	1.6	5.6	8.2	0001234567890	01234567890
22	14115217	Ngô Thị Hồng Nhung	DH14GN	<i>Ngô Thị Hồng Nhung</i>		1	1	4.2	6.2	0001234567890	01234567890
23	14115228	Ngô Thị Thu Hương	DH14GN	<i>Ngô Thị Thu Hương</i>		1	0.8	3.5	5.3	0001234567890	01234567890
24	14115235	Nguyễn Hiền Thuận	DH14GN	<i>Nguyễn Hiền Thuận</i>		1	0.2	1.4	2.6	0001234567890	01234567890
25	14115243	Đỗ Ngọc Cẩm	DH14GN	<i>Đỗ Ngọc Cẩm</i>		1	1	1.4	3.4	0001234567890	01234567890
26	14115247	Trần Nhật Ám	DH14GN	<i>Trần Nhật Ám</i>		1	0.6	2.4	4.0	0001234567890	01234567890
27	14115249	Phạm Thị Thuý	DH14GN	<i>Phạm Thị Thuý</i>		1	2	7	10	0001234567890	01234567890
28	14115250	Châu Ngọc Hương	DH14GN	<i>Châu Ngọc Hương</i>		1	0.4	1.4	2.8	0001234567890	01234567890
29	14115260	Trần Thị Lệ Trinh	DH14GN	<i>Trần Thị Lệ Trinh</i>		1	0.5	3.5	5.0	0001234567890	01234567890
30	14115263	Lê Anh Trung	DH14GN	<i>Lê Anh Trung</i>		Cm' th				0001234567890	01234567890



Mã nhận dạng 05089



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DHH4GN_03

Số tín chỉ: 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

Lớp

DHH4CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115266	Phạm Thị Băng	Tuyển			1	1.2	2.8	5.0	0001234567890	0123456789
32	14115267	Cà Thị Kim	Tuyển			1	0.6	0.7	2.3	0001234567890	0123456789
33	14115270	Nguyễn Văn	Sinh			1	1	5.3	7.3	0001234567890	0123456789
34	14115276	Lê Ngọc Thảo	Sinh			1	1	4	6.0	0001234567890	0123456789
35	14115282	Nguyễn Phú	Sinh			1	1	2.5	4.5	0001234567890	0123456789
36	14115283	Nguyễn Thị	Sinh			1	1	3	5.0	0001234567890	0123456789
37	14115285	Nguyễn Phúc	Sinh			1	1	0.7	2.7	0001234567890	0123456789
38	14115294	Nguyễn Đức Thanh	Tuyển			1	1.4	2.8	5.2	0001234567890	0123456789
39	14115308	Trần Thị	Sinh			1	0.4	0.7	2.1	0001234567890	0123456789
40	14115311	Lê Thị	Sinh			1	0.4	0.7	2.1	0001234567890	0123456789
41	14115312	Lê Văn	Tuyển			1	0.3	0.7	2.0	0001234567890	0123456789
42	14115317	Lê Thị	Tuyển			1	1	0.7	2.7	0001234567890	0123456789
43	14115334	Nguyễn Thành	Tuyển			1	0.8	0.7	2.5	0001234567890	0123456789
44	14115372	Nguyễn Văn	Tuyển			1	0.4	0.7	2.1	0001234567890	0123456789
45	14115387	Trần Thị Ngọc	Tuyển			1	1	1.4	3.4	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05089



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH14GN_03

Số Tín CT: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

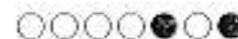
Lớp: DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14115418	Đặng Trọng Quốc	Việt	DH14GN		0.5	—	—	—	00112345678900	00123456789
47	14115431	Vũ Hy Hai	Đặng	DH14GN		1	0.2	—	—	00112345678900	00123456789
48	14115432	Tô Thị	Huệ	DH14GN	<i>Thuy</i>	1	0.4	0.7	2.1	00112345678900	00123456789
49	14115440	Lê Thị Mai	Trần	DH14GN	<i>mai</i>	1	0.4	1.4	2.8	00112345678900	00123456789
50	14115446	Nguyễn Thị Ngọc	Xinh	DH14GN	<i>Xinh</i>	1	1	1.4	3.4	00112345678900	00123456789
51	14115450	Lê Thanh	Phong	DH14GN	<i>lu</i>	1	—	0.7	1.7	00112345678900	00123456789
52	14115452	Nguyễn Dương Minh	Thùy	DH14GN	<i>Thuy</i>	1	1.6	4.9	7.5	00112345678900	00123456789
53	14118018	Trần Phương	Đông	DH14GN	<i>lu</i>	1	0.4	2.1	3.5	00112345678900	00123456789
54	14118042	Nguyễn Trang	Nguyễn	DH14GN	<i>lu</i>	1	1.6	4.6	7.2	00112345678900	00123456789
55	14118078	Nguyễn Công	Trang	DH14GN	<i>lu</i>	1	1	3.5	5.5	00112345678900	00123456789
56	14118083	Tương Minh	Trí	DH14GN	<i>lu</i>	1	0.2	3.2	4.4	00112345678900	00123456789
57	14118088	Bồ Hoàng	Tuấn	DH14GN	<i>lu</i>	1	1.2	4.2	6.4	00112345678900	00123456789
58	14118283	Lê Đức	Trọng	DH14GN	<i>lu</i>	1	1	3.5	5.5	00112345678900	00123456789
59	14137068	Nguyễn Việt	Tân	DH14GN	<i>lu</i>	1	—	4.2	5.2	00112345678900	00123456789
60	14153001	Nguyễn Tuấn	Anh	DH14GN	<i>lu</i>	1	0.2	1.4	2.6	00112345678900	00123456789



Mã nhận dạng 05089



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH14GN_03

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Nguyễn Hồng Phong

Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153037	Lê Trung	Nhân			1	0.4	0.8	2.1	000100145678910	0123456789
62	14153085	Huỳnh Thanh	Hoài			1	0.6	0.7	2.3	000100145678910	0123456789
63	14153088	Nguyễn Văn	Hoàng			1	0.6	1.4	3.0	000120145678910	0123456789
64	14153094	Hình Tiến	Hưng			1	0.3	0.7	2.0	000100145678910	0123456789
65	14153133	Nguyễn Văn	Thước			1	0.3	0.7	2.0	000100145678910	0123456789
66	14153139	Lê Văn	Trương			1	0.2	3.5	4.7	000123045678910	0123456789
67	14153150	Nguyễn Mạnh	Giản			1	0.4	5.6	7.0	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 65 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

N. V. Kiệp

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Quý

Sắc nhân của Bộ Môn

Đặng Kiến Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hồng Phong

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138074	Kiểu Việt Hiệp	DH13TD			4	4,1		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD			4,8	4,8		9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	13153011	Chu Văn Long	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13153019	Phan Văn Sinh	DH13CD			4,8	4,8		9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	13153038	Thái Quang Bảo	DH13CD			4,8	4,8		9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
7	13153061	Trần Đại Dương	DH13CD			4	4,1		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13153073	Nguyễn Văn Đầu	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	13153076	Lê Khải Định	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
10	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD			4	4,1		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
12	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang Huy	DH13CD			4,8	4,8		9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	13153150	Nguyễn Tiến Mạnh	DH13CD			4,2	4,2		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153152	Dặng Hoàng Nam	DH13CD			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			4	4,1		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	13153213	Nguyễn Hồng Thắng	DH13CD			4,8	4,8		9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD			4	4,1		8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Khoa/bộ môn


TS. Nguyễn Tiến

Cán bộ chấm thi 1


N.V. Kiệp

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD			4,6	4,6		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138001	Hoàng Văn Dũng	DH13TD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13138116	Võ Tấn Lý	DH13TD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
5	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD			4,3	4,3		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13153029	Trần Văn Vĩ	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153036	Nguyễn Xuân ắt	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153136	Nguyễn Nhật King	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153146	Trần Tấn Lợi	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD			4,3	4,3		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13153236	Phạm Trọng Tín	DH13CD			4,3	4,3		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13153269	Vô Thành Văn	DH13CD			4,3	4,3		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

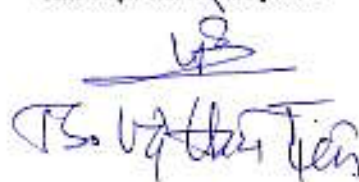
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Văn Tiến


N.V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo



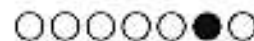
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138076	Vũ Minh Hòa	DH13TD			4,2	4,3		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	13138097	Trần Tiến	DH13TD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	13153010	Nguyễn Anh	DH13CD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13153012	Nguyễn Hữu	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13153021	Cao Thanh	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153059	Nguyễn Quốc	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153068	Mai Quốc	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	13153077	Trương Công	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	13153106	Nguyễn Huy	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153122	Mai Đức	DH13CD			4,3	4,4		8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	13153124	Nguyễn Trọng	DH13CD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	13153125	Nguyễn Minh	DH13CD			3,7	3,7		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13153129	Nguyễn Đình Đăng	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	13153147	Vũ Thành	DH13CD			3,2	3,2		6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153165	Nguyễn Thành	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13153173	Nguyễn Văn	DH13CD			4,6	4,6		9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153229	Lê Quyết	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	13153238	Mai Thanh	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

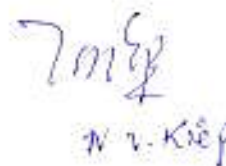
Cán bộ coi thi 2

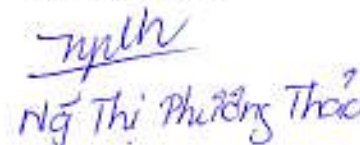
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


S. Nguyễn Tiến


N. V. Kiệp


Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mũi lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138098	Phan Huy Hoàng	DH12TD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	13153002	Kim Thanh Bạch	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	13153007	Phạm Tiến Đức	DH13CD			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
5	13153031	Trần Thế Vượng	DH13CD			3,4	3,4		6,8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD			4,5	4,5		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153078	Trương Công Định	DH13CD			3,4	3,4		6,8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD			4,5	4,5		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	13153121	Võ Thị Kim Hương	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	13153161	Cao Đình Nguyên	DH13CD			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD			4,4	4,4		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			4,4	4,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13153275	Lê Văn Vũ	DH13CD			4,7	4,7		9,4	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13153280	Lương Trung Vương	DH13CD			4,5	4,5		9,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	④ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Văn Kiệp


N. V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD			4,2	4,3		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
2	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD			3,7	3,7		7,4	○○○123456●8910	○123●56789
3	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD			4	4		8,0	○○○1234567●910	●123456789
4	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD			4,2	4,3		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
5	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			3,9	4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●9
6	13153005	Dặng Hữu Dệ	DH13CD			4,1	4,2		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
7	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			4,3	4,4		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
8	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			3,6	3,7		7,3	○○○123456●8910	○12●456789
9	13153018	Diệp Chí Quân	DH13CD			3,4	3,5		6,9	○○○12345●78910	○12345678●9
10	13153020	Hồ Hoàng Tâm	DH13CD						V	●○○12345678910	○123456789
11	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD			3,9	3,9		7,8	○○○123456●8910	○1234567●89
12	13153046	Huỳnh Công Chính	DH13CD			4,3	4,4		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
13	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			4,1	4,1		8,2	○○○1234567●910	○1●23456789
14	13153074	K"	DH13CD			2,9	3		5,9	○○○1234●678910	○12345678●9
15	13153104	Hà Lý Gia Hoàng	DH13CD			4,1	4,2		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
16	13153110	Doãn Đức Huy	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
17	13153202	Nguyễn Tấn Sỹ	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
18	13153206	Nguyễn Hà Tấn	DH13CD			4,3	4,4		8,7	○○○1234567●910	○123456●89



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			3,9	3,9		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	13153247	Đình Mạnh Trường	DH13CD			4,3	4,4		8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

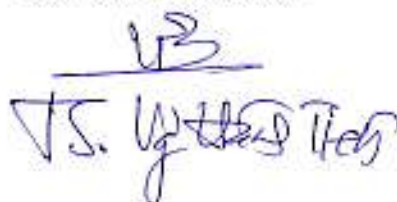
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

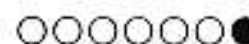
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


V.S. Nguyễn Văn Kiệp


N.V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207115) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD			3,9	4		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD			3,9	4		7,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	13153001	Nguyễn Văn Bá	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153044	Lê Văn Cảnh	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD			4	4,1		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153115	Nguyễn Phúc Huy	DH13CD			4	4,1		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD			4	4,1		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13153128	Nguyễn Đăng Khoa	DH13CD			4	4,1		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153144	Trương Văn Lê	DH13CD			3,8	3,8		7,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153215	Hàn Văn Thi	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13153222	Trương Phi Thoàn	DH13CD			3,7	3,7		7,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153232	Nguyễn Thành Tiến	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13153244	Nguyễn Thanh Tri	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thử tập gia công (207115) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13153260	Nguyễn Huy Tuệ	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			4,2	4,3		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số tương ứng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi I

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Khoa/Lớp môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

208
H. Vững Mát Tiệp

Urbz
N. V. Kief

mykh
ng Thi Phuong Thao

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học: 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001 DH14CD 01

Số lần CT: 2

Ngay Thi 10/06/2016

Giô Th: 14:45

Phong Thi TV 303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Léves

DHL3CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Learning II

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Đ Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK	<i>Hoàng Duy</i>		6	4	6,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK	<i>Quốc Tuấn</i>		7,8	4,5	7,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154915	Nguyễn Tấn Hân	DH13OT	<i>Hân</i>		5,2	7	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118063	Bùi Văn An	DH14CK	<i>An</i>		6,4	7	7,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118025	Lê Quang Thiện	DH14CK	<i>Thiện</i>		4,7	8	3	4,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CU	<i>Tài</i>		4,8	6	6,5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CU	<i>Đình Tiến</i>		7,8	7	7	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK	<i>Cường</i>		6,7	7	3	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118149	Hà Văn Công	DH14CU	<i>Công</i>		5,6	6	6,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118181	Phạm Duy Khánh	DH14CU	<i>Khánh</i>		6	6	5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK	<i>Kiệt</i>		8	4	6,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118216	Nguyễn Minh Nhài	DH14CK	<i>Nhài</i>		5,6	7	5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK	<i>Phát</i>		4,4	7	2,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CU	<i>Phương</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK	<i>Sang</i>		7,2	8	6,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05090



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: AutoCAD (207117) - 001_DHH4CD_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

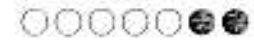
Lớp: DHH4CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm li
16	14118315	Trần Bá Vương	DHH4CK			7,6	4	6	5,9	001234567890	0123456789
17	14138026	Nguyễn Thanh Quang	DHH4TD			6,6	7,5	5,5	6,3	001234567890	0123456789
18	14153004	Nguyễn Tuấn Anh	DHH4CD			7,6	9	7	7,7	001234567890	0123456789
19	14153003	Nguyễn Chi Bảo	DHH4CD			6,1	8	7	7,7	001234567890	0123456789
20	14153004	Nguyễn Phạm Huy	DHH4CD			4,2	7	6	5,8	001234567890	0123456789
21	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DHH4CD			6	9	3	5,3	001234567890	0123456789
22	14153014	Hồ Đức Hải	DHH4TD			5,6	7,5	2	4,3	001234567890	0123456789
23	14153015	Dương Đình Hiệp	DHH4TD			7,4	8	6,5	7,1	001234567890	0123456789
24	14153019	Cao Bá Kế	DHH4TD			4,8	7,5	2,5	4,3	001234567890	0123456789
25	14153021	Mai Thế Kiệt	DHH4TD			9,2	8,5	9,5	9,2	001234567890	0123456789
26	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DHH4TD			5,8	7,5	3	4,8	001234567890	0123456789
27	14153023	Định Thiện Duy	DHH4TD			4,4	7,5	6	6,0	001234567890	0123456789
28	14153024	Ngô Lương Lâm	DHH4TD			4,6	7	5	5,4	001234567890	0123456789
29	14153023	Nguyễn Phan Lợi	DHH4TD			6,4	7,5	4	5,5	001234567890	0123456789
30	14153028	Bùi Văn Luân	DHH4TD			7,6	7,5	7	7,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05090



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DHH4CD_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp:

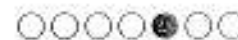
DHH4CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153029	Hàng	Lực	<i>Hàng</i>		7,2	7,5	2	4,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14153030	Trần Lực	Minh	<i>Lực</i>		3,8	8	2	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14153031	Lê Nhật	Nam	<i>Nam</i>		8	8,5	7	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14153034	Chế Thành	Nghi	<i>Chế</i>		5,4	8,5	6,5	6,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14153036	Phan Trọng	Nghĩa	<i>Phan</i>		6	7,5	5,5	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14153038	Lâm Thế	Nhân	<i>Lâm</i>		6	8	7	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	14153052	Phan Minh	Huân	<i>Phan</i>		8,8	8,5	8,5	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14153054	Đinh Ngọc	Trần	<i>Đinh</i>		6	8	3	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14153058	Nguyễn Văn	Quân	<i>Quân</i>		7,8	7,5	7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14153059	Phạm Ngọc	Quyên	<i>Phạm</i>		7,6	7,5	6,5	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14153062	Trịnh Thành	Việt	<i>Việt</i>		6,2	7,0	3	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14153065	Lê Ngọc	Ấn	<i>Lê</i>		7,4	7,5	7,5	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14153067	Nguyễn Khắc	Bổng	<i>Bổng</i>		7,6	7,5	7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	Chiến	<i>Chiến</i>		6	7,5	6,5	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14153075	Đỗ Minh	Đỗ	<i>Đỗ</i>		7	8	7,5	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05090



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DHI4CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DHI4CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	D3 50 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14153080	Lê Khả	Trần	Hàn		3,4	7	3	4,1	0012345678910	00123456789
47	14153096	Nguyễn Duy	Khánh	R		5,8	8	7,5	7,2	0012345678910	00123456789
48	14153102	Trần Bảo	Lạc	la		5,8	7	5,5	6,0	0012345678910	00123456789
49	14153104	Phạm Thanh	Nam	Phạm		7,6	8	8	7,9	0012345678910	00123456789
50	14153107	Đức Nhật	Nhà	Nhà		7,8	6,5	5	6,1	0012345678910	00123456789
51	14153109	Nguyễn Hiệp Đức	Nhà	Nhà		4,6	7,5	5	5,5	0012345678910	00123456789
52	14153123	Đỗ Hồng	Đức	Thái		7,5	7	7,5	7,4	0012345678910	00123456789
53	14153124	Hà Duy	Thái	Thái		6	8	7	7,0	0012345678910	00123456789
54	14153140	Nguyễn Mạnh	Đức	Trần		7,8	6,5	7,5	7,3	0012345678910	00123456789

Ngày 6 Tháng 7 Năm 2016

Số sinh viên dự thi: ... Số sinh viên vắng: ...

Ban tổ coi thi 1

Ban tổ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Ban Bộ Chấm Thi 1

Ban Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: AutoCAD (207117) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD102

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

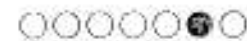
Lớp: DH120T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm R
1	12154138	Mai Thành	Nhân			7	7	6,5	6,8		
2	12154164	Trần Xuân	Quang	✓							
3	13118156	Đỗ Mạnh	Huy			8,2	7	9	8,3		
4	13118259	Nguyễn Văn	Phượng			8	8	9	8,5		
5	13118357	Nguyễn Thanh	Luân			7,6	7	6,5	6,9		
6	13151047	Hà Anh	Quân	✓							
7	13151081	Lê Ngọc	Chân	✓							
8	14118059	Nguyễn Minh	Chiến			4	8	6,5	6,3		
9	14118018	Trần Phước	Đông			5,8	7	7	6,7		
10	14118022	Nguyễn Mạnh	Hải			5,8	4	5,5	5,2		
11	14118026	Nguyễn Đức	Hiếu			5,2	8	2	4,3		
12	14118031	Nguyễn Hoàng	Huy			4	8	5	5,5		
13	14118034	Đinh Đức	Kiên			6,8	7	5	6,0		
14	14118038	Thương Công	Lộc			7	7,5	5	6,1		
15	14118042	Nguyễn Trung	Nguyễn			7,8	2,5	7	6,1		



Mã nhận dạng 05091



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD102

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK		-	7,6	8	4	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118056	Đinh Hồng Quân	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118068	Nguyễn Quốc Thiên	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118072	Nguyễn Gia Hiền	DH14CK			5,8	7,5	6	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118080	Giao Văn Trạch	DH14CK			7	8	5,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			5,2	2,5	6,5	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118087	Nguyễn Minh Hiền	DH14CK			7,2	7,5	6,5	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118088	Hồ Hoàng Trần	DH14CK			7	3	5,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: ... Số sinh viên vắng: ...

Ngày 6 tháng 6 năm 2016

Chữ ký của người 1

Chữ ký của người 2

Chữ ký của Bộ Môn

Chữ ký của Giảng viên 1

Chữ ký của Giảng viên 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bộ Môn

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: AutoCAD (207117) - 002_DH14CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK	<i>huc</i>		6,2	8	3	5,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	14118097	Trần Lâm	DH14CK			5,4	8	5	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	14118098	Đỗ Tuấn	DH14CK	✓						○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	14118102	Hồ Chí	DH14CK	<i>huc</i>		5,8	8	7	7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	14118103	Nguyễn Hòa	DH14CK	<i>huc</i>		6,4	7,5	5	6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	14118108	Trần Văn	DH14CK	<i>huc</i>		7	8	5	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	14118116	Trương	DH14CK			7,6	7,5	6,5	7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	14118117	Lê Tuấn	DH14CK	<i>huc</i>		7,2	2,5	6,0	5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	14118132	Nguyễn Vũ Tr	DH14CK			6,8	8,5	5,5	6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	14118137	Nguyễn Quốc	DH14CK	<i>huc</i>		7,4	9	6,5	7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	14118141	Trần Văn	DH14CK	<i>huc</i>		7	9	5	6,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	14118142	Nguyễn Văn	DH14CK	✓						○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	14118148	Cao Thành	DH14CK	<i>huc</i>		7,2	9	5	6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	14118152	Lê Xuân	DH14CK	<i>huc</i>		5,6	8	5,5	6,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	14118158	Vũ Văn	DH14CK	<i>huc</i>		7,2	8,5	6,5	7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 05092



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 002_DH14CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV301

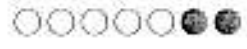
Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D Số 50	Điểm T. kết	Tá điểm nguyên	Tá điểm lẻ
16	14118160	Vũ Đức Hiệp	DH14CC			6,8	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
17	14118162	Bà Xuân Hoàng	DH14CC			7,4	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
18	14118166	Vũ Văn Hoa	DH14CC			5,6	7,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
19	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CC			5	7,5	5	5,6	0012345678910	0123456789
20	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CC			5,8	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
21	14118190	Nguyễn Văn Công	DH14CC			6,4	7,5	4	5,5	0012345678910	0123456789
22	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CC			6,6	7,5	5	6,0	0012345678910	0123456789
23	14118192	Lê Thành Long	DH14CC			2,8	8,5	6	5,8	0012345678910	0123456789
24	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CC			4,2	7,5	3	4,4	0012345678910	0123456789
25	14118267	Nguyễn Văn Lê	DH14CC							0012345678910	0123456789
26	14118217	Đỗ Thanh Phương	DH14CC			5,6	1	3	3,2	0012345678910	0123456789
27	14118219	Trần Nguyễn Hoàng	DH14CC			7,4	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
28	14118221	Nguyễn Văn Thanh	DH14CC			6,2	9	9	8,3	0012345678910	0123456789
29	14118223	Phạm Hoàng	DH14CC			5,6	1	6	4,7	0012345678910	0123456789
30	14118228	Trần Văn Phước	DH14CC			5,4	8	5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05092

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 002_DH14CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi: TV301 Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

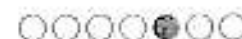
Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118231	Lê Đình Đăng	Quang	DH14CK	✓					001234567890	0123456789
32	14118239	Vân Công	Sĩ	DH14CK	✓	6,6	7,5	6	6,5	001234567890	0123456789
33	14118240	Trình Văn	Sơn	DH14CK		5,8	7,5	6,5	6,6	001234567890	0123456789
34	14118246	Trần Văn	Tại	DH14CK		7	7,5	6,5	6,9	001234567890	0123456789
35	14118264	Nguyễn Xuân	Trần	DH14CK	✓	4,2	7,5	4	4,9	001234567890	0123456789
36	14118280	Nguyễn Minh	Ti	DH14CK	✓	4,2	7,5	1,5	3,7	001234567890	0123456789
37	14118283	Lê Đức	Trung	DH14CK	✓	7	2,5	6	5,4	001234567890	0123456789
38	14118294	Nguyễn Phi	Trương	DH14CK	✓	4,2	8,5	3	4,7	001234567890	0123456789
39	14118304	Phạm Thanh	Trung	DH14CK	✓					001234567890	0123456789
40	14118305	Trương Thanh	Trung	DH14CK	✓					001234567890	0123456789
41	14118311	Trần Xuân	Vinh	DH14CK	✓	7,4	2,5	4	4,5	001234567890	0123456789
42	14118312	Hà Thành	Vũ	DH14CK	✓	5,8	8	7	7,0	001234567890	0123456789
43	14118313	Huỳnh Tuấn	Vũ	DH14CK	✓	5,4	1	5,5	4,4	001234567890	0123456789
44	14118314	Lương Trọng	Vũ	DH14CK	✓	6,8	7	5,5	6,2	001234567890	0123456789
45	14118322	Nguyễn Duy	Xuân	DH14CK	✓	5	8	4	5,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05092



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 002_DH14CK_02

Số Tin CH: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp:

DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 25%	D Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14137044	Nguyễn Văn	Ka	DH14NL	V					0012345678910	0123456789
47	14137099	Trương Quốc	Vương	DH14NL	Trương	7,6	2,5	8,5	6,8	0012345678910	0123456789
48	14153105	Vũ Đức	Bảy	DH14CD	Đức	7	8,5	5	6,4	0012345678910	0123456789
49	14153106	Hồ Nguyễn Văn	Cánh	DH14CD	Hồ	7,4	7,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
50	14153008	Hạ Thị Ngọc	Cường	DH14CD	Hạ	7,2	7,5	3	5,2	0012345678910	0123456789
51	14153010	Trần Văn Anh	Duy	DH14CD	Trần	7,2	7,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
52	14153037	Lê Trung	Nhân	DH14CD	Lê	7,8	4	3	4,5	0012345678910	0123456789
53	14153053	Nguyễn Văn	Hiếu	DH14CD	Nguyễn	7,6	4	5	5,4	0012345678910	0123456789
54	14153056	Đặng Minh	Trần	DH14CD	V					0012345678910	0123456789
55	14153060	Nguyễn Công	Trương	DH14CD	Trương	6	7,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
56	14153117	Phạm Quốc	Sỹ	DH14CD	Phạm	5,8	4,5	7	6,1	0012345678910	0123456789
57	14153134	Nguyễn Thanh	Thảo	DH14CD	Nguyễn	7,2	4	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
58	14154005	Nông Chi	Bao	DH1401	Nông	7	7	5	6,0	0012345678910	0123456789
59	14154022	Nguyễn Khanh	Huy	DH1401	Nguyễn	7,2	7	5	6,1	0012345678910	0123456789
60	14154031	Đặng Văn	Lương	DH1401	Đặng	8	9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05092

Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: AutoCAD (207117) - 002_DH14CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp:

DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14154112	Nguyễn Hoàng	Khương	DH140T	nh2	7,6	8	5	6,4	0001234567890	0123456789
62	14154116	Trịnh Đình	Linh	DH140T	V					0001234567890	0123456789
63	14154126	Phạm Anh	Ngọc	DH140T	ngoc	4	7	6,5	6,0	0001234567890	0123456789
64	14154139	Lê Văn	Đài	DH140T	lv	4,8	8	2	4,2	0001234567890	0123456789
65	15153616	Sơn Thanh	Hải	DH154T	st	5,8	7,5	7	6,8	0001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: Số sinh viên vắng:

Ngày 6 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Nơi nhận của Bộ Môn:

Cán Bộ Chấm D: 1

Cán Bộ Chấm D: 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14NL_03

Số Tin CH: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: CT201

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp:

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118021	Đỗ Kỳ	Ha	DH14CC	Ha	6,4	7	7	6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
2	14118027	Nguyễn Đại	Hoang	DH14CC	Hoang	4,5	7,5	1	3,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
3	14118044	Cao Hữu	Nhan	DH14CC	Nhan	2,2	7,5	5,5	5,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
4	14118053	Ngô Tấn	Phuc	DH14CC	Phuc	6,6	7,5	3,0	5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
5	14118134	Nguyễn Văn	Dai	DH14CC	Dai	2,8	8,5	4	4,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
6	14118178	Trần Ngọc	Hung	DH14CC	Hung	7	8	7	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
7	14118218	Phạm Thanh	Phong	DH14CC	Phong	1	7,5	5,5	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
8	14118226	Nguyễn Tấn	Phuoc	DH14CC	Phuoc	7,6	7,5	9	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
9	14118266	Phạm Minh	Thiep	DH14CC	Thiep	4,2	7,5	3	4,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
10	14118274	Trần Văn	Thuong	DH14CC	Thuong	8	7	9	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
11	14118287	Lê Văn	Trung	DH14CC	Trung	7	7	5	6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
12	14137003	Nguyễn Tấn	Minh	DH14NL	Minh	4,2	7,5	3	4,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
13	14137006	Trần Kiên	Tu	DH14NL	Tu	8	7,5	7,5	7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
14	14137016	Trần Thanh	Duy	DH14NL	Duy	5,8	8	5,5	6,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
15	14137018	Trương Hoàng	Dai	DH14NL	Dai	5,4	8	6	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●



Mã nhận dạng 05093



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14NL_03

Số Tin CT - 2

Ngày Thi 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

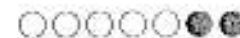
DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 25%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm LP
16	14137028	Nguyễn Văn	Đông	ngd		4,4	5	5,5	5,1	001234567890	01234567890
17	14137032	Dương Hoàng	Hào	Hoang		3	7,5	4	4,6	001234567890	01234567890
18	14137034	Vũ Trung	Hiền	Truong		2,4	4	4	3,6	001234567890	01234567890
19	14137036	Nguyễn Hồng	Hiền	Hong		7,4	8,5	6	7,0	001234567890	01234567890
20	14137037	Nguyễn Thanh	Hiền	Thanh		5,4	7,5	6,5	6,5	001234567890	01234567890
21	14137042	Ngô Thị Ngọc	Huyền	Ngoc		5,8	4	2	3,5	001234567890	01234567890
22	14137048	Lê Thế	Lục	The		4,4	7,5	7	6,5	001234567890	01234567890
23	14137065	Nguyễn Minh	Tân	Minh		7,6	9	6	7,2	001234567890	01234567890
24	14137070	Trần Văn	Thạnh	Van		5,6	8	4,5	5,7	001234567890	01234567890
25	14137071	Đỗ Việt	Trưởng	Viet		5,6	7,5	2,5	4,5	001234567890	01234567890
26	14137074	Nguyễn Mẫn	Thuyết	Mann		5,4	7,5	5	5,7	001234567890	01234567890
27	14137085	Đinh Thành	Trung	Thanh		5,6	7,5	4	5,3	001234567890	01234567890
28	14137093	Trần Bá	Trung	Ba		4,4	8,5	6	6,2	001234567890	01234567890
29	14137100	Huyền Nhật	Vý	Nhat		7,6	8	5,5	6,7	001234567890	01234567890
30	14138011	Nguyễn Chánh	Hoàng	Chanh		4,5	7	3	4,4	001234567890	01234567890



Mã nhận dạng 05093



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14NL_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: CT201

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD			2,2	8	3	4,1	0012345678910	10123456789
32	14153129	Nguyễn Thanh Lâm	DH14TD			3,8	8	6	6,0	0012345678910	11123456789
33	14155084	Nguyễn Phú Thịnh	DH14TD			4,1	8	6	6,0	0012345678910	11123456789
34	14153119	Trần Tư Lâm	DH14TD			3	9	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
35	14154070	Nguyễn Quốc Cường	DH14TD			6,4	7,5	3	5,0	0012345678910	11123456789
36	14154112	Thyanna Văn Hương	DH14TD			6,6	8,5	5	6,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên đi thi: ... Số sinh viên vắng: ...

Ngày Tháng Năm

Chữ ký con 1

Chữ ký con 2

Nơi nhận: ... Bộ Môn

Chữ ký con 1

Chữ ký con 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hải Đăng

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14TD_05

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp: DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm t. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138108	Trần Quang	Trang	DH1201					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
2	12154059	Nguyễn Hoàng	Đạt	DH1201		4,5	4,0	2,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
3	12154067	Nguyễn Minh	Đạt	DH1201		8,5	8,0	8,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
4	13118035	Nguyễn Đình	Nghị	DH1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
5	13118091	Nguyễn Đạt	Cường	DH1301		2,0	1,0	1,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
6	13154066	Nguyễn	Tung	DH1301		3,5	6,5	5,0	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
7	13154123	Phạm	Hùng	DH1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
8	13134079	Đinh Văn	Đạt	CĐ1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
9	13134081	Nguyễn Văn	Đạt	CĐ1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
10	13334113	Mai Vĩnh	Tại	CĐ1301		6,5	2,0	4,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
11	13334121	Đặng Thanh	Nghị	CĐ1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
12	13334212	Lâm Quốc	Tài	CĐ1301					●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
13	14128007	Sơn Văn	Đạt	DH141D		8,0	5,0	6,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
14	14128008	Lê Văn	Hùng	DH141D		9,5	5,0	7,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
15	14138029	Hoàng Văn Anh	Đạt	DH141D		7,0	2,0	4,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: AutoCAD (207117) - 001_DH14TD_05

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp:

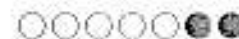
DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138012	Nguyễn Đức Hoàng	DH14TD	<i>[Signature]</i>		7,5		6,0	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14138015	Trần Đình Khoa	DH14TD	<i>[Signature]</i>						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14138016	Phạm Đăng Khoa	DH14TD	<i>[Signature]</i>		7,5		2,5	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	14138019	Nguyễn Văn Tuấn	DH14TD	<i>[Signature]</i>		8,0		6,0	7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14138021	Trần Đình Nguyễn	DH14TD	<i>[Signature]</i>		4,0		4,0	2,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD	<i>[Signature]</i>		7,0		1,0	4,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14138024	Phạm Hoàng Phúc	DH14TD	<i>[Signature]</i>		7,0		1,0	4,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,5		4,0	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14138028	Phạm Văn Sỹ	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,5	8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14138032	Lâm Văn Tiến	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,0		5,0	7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14138034	Nguyễn Minh Trí	DH14TD	<i>[Signature]</i>		8,0		7,0	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14138037	Hà Mạnh A	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,0		1,0	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14138045	Nguyễn Thanh Đạt	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,5		8,0	8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14138054	Phạm Phú Hưng	DH14TD	<i>[Signature]</i>		8,5		7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14138058	Nguyễn Dân Khoa	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9,5		4,0	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05094



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117)- 001_DH14TD_05

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD200

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp:

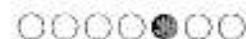
DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số thứ	D1 50%	D2 %	D3 %	Điểm t. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14113	26m	9,5		3,0	6,3	0001234567890	0123456789
32	14138064	Lê Đình	Long	DH14113	ly	8,5		9,0	8,8	0001234567890	0123456789
33	14138068	Vũ Lê Hoàng	Nam	DH14113	Hoang	7,5		9,0	8,3	0001234567890	0123456789
34	14138071	Nguyễn Thị Kiều	Ngoan	DH14113	Ngoan	9,5		4,5	7,0	0001234567890	0123456789
35	14138073	Nguyễn Thanh	Nhân	DH14113	Thanh	9,0		9,5	9,3	0001234567890	0123456789
36	14138077	Vũ Văn	Phượng	DH14113	Vu	7,5		8,0	7,8	0001234567890	0123456789
37	14138085	Lê Hòa	Tai	DH14113	Le	9,5		4,5	5,5	0001234567890	0123456789
38	14138088	Nguyễn Đăng Trung	Thanh	DH14113	Trung	9,5		9,0	9,3	0001234567890	0123456789
39	14138091	Dương Thanh	Hào	DH14113	Th	3,0		1,0	2,0	0001234567890	0123456789
40	14138098	Nguyễn Quốc	Thống	DH14113	ly	1,0		4,0	2,5	0001234567890	0123456789
41	14138100	Nguyễn Văn	Tỉnh	DH14113	Ng	9,0		5,0	7,0	0001234567890	0123456789
42	14138104	Phạm Văn	Tuấn	DH14113	Pham	9,0		3,0	6,0	0001234567890	0123456789
43	14138106	Nguyễn Trọng	Tri	DH14113	Ng	5,0		1,0	3,0	0001234567890	0123456789
44	14138132	Nguyễn Thanh	Nam	DH14113	Nam	9,5		9,5	5,0	0001234567890	0123456789
45	14138139	Nguyễn Văn	Nhân	DH14113	Ng	9,5		9,0	9,3	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05094



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD (207117) - 001_DH14TD_05

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 10/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD200

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Phân	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 %	D3 %	Điểm t. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14153044	Bùi Đức	Phân	DH14CD			9,5		3,5	6,5	0001234567890	0123456780
47	14153085	Huỳnh Thanh	Học	DH14CD			8,0		8,0	8,0	0001234567890	0123456780
48	14153138	Phạm Thương Hoàn I	Học	DH14CD			9,0		9,0	9,0	0001234567890	0123456780
49	14153125	Trần Đức	Học	DH14CD			3,0		1,0	2,0	0001234567890	0123456780
50	14153159	Trần Văn	Trang	DH14CD			9,5		4,5	5,5	0001234567890	0123456780
51	14154127	Nguyễn Văn	Như	DH14CD			6,5		9,0	7,8	0001234567890	0123456780
52	14154013	Phạm Hoàng	Học	DH14CD							0001234567890	0123456780

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng 09

Ngày Tháng Năm

Ấn hồ sơ thi

Ấn hồ sơ thi

Xác nhận của Bộ Môn

Ấn Bộ Chấm Thi 1

Ấn Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Văn Văn

Lê Quang Hiền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH14CK_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

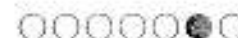
Phòng Thi RD502

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp DH11SK (C chuyển ngành Sư phạm kỹ thuật công nông nghiệp)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lý
1	141158065	Nguyễn Việt Trung	Hiền	DH11SK						●○○○12345678910	○○123456789
2	141180001	Bùi Văn	An	DH14CK	An	1,5	1,6	4,2	7,3	○○○○12345678910	○○123456789
3	141180007	Vũ Văn	Cánh	DH14CK	Cánh	1,6	1,5	4,6	7,7	○○○○12345678910	○○123456789
4	14118026	Nguyễn Văn	Hiền	DH14CK	Hiền	1,8	0	2,5	4,3	○○○○12345678910	○○123456789
5	14118034	Đinh Đức	Kiên	DH14CK	Kiên	1,1	0	3,9	5	○○○○12345678910	○○123456789
6	14118036	Nguyễn Văn	Lý	DH14CK	Lý	1,1	0,4	1,3	2,8	○○○○12345678910	○○123456789
7	14118050	Nguyễn Văn	Phong	DH14CK	Phong	1	1	1,2	3,2	○○○○12345678910	○○123456789
8	14118052	Châu Văn	Phúc	DH14CK	Phúc	0,8	0	3,6	4,4	○○○○12345678910	○○123456789
9	14118067	Nguyễn Văn	Hiền	DH14CK	Hiền	0,7	0	0,6	1,3	○○○○12345678910	○○123456789
10	14118069	Nguyễn Văn	Hiền	DH14CK	Hiền					●○○○○12345678910	○○123456789
11	14118090	Lý Văn	Tung	DH14CK	Tung	0	0	2,4	2,4	○○○○12345678910	○○123456789
12	14118095	Nguyễn Văn	Vương	DH14CK	Vương	1,9	1,4	3,8	7,1	○○○○12345678910	○○123456789
13	14118102	Hồ Văn	Bao	DH14CK	Bao	0,6	0,3	2,7	3,6	○○○○12345678910	○○123456789
14	14118103	Nguyễn Văn	Bao	DH14CK	Bao	1,1	0	1,6	2,7	○○○○12345678910	○○123456789
15	14118109	Đào Văn	Cánh	DH14CK	Cánh	1	1	4,5	6,5	○○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 05095

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH14CK_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng thi: RD502

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	MS SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118116	Trương Chiến	DH14CK	<i>Chiến</i>		1,7	1,6	4,5	7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK	<i>Cường</i>		1,4	0,3	3,7	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	<i>Cường</i>		1,7	1,4	3	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK	<i>Duy</i>		0,7	0,5	3	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118144	Trần Văn Đệp	DH14CK	<i>Đệp</i>		1,6	0,4	4,9	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118150	Bùi Ngọc Hải	DH14CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK	<i>Hiệp</i>		1,9	1,9	5,4	9,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK	<i>Khôi</i>		1,6	1,4	3	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118192	Lê Thanh Long	DH14CK	<i>Long</i>		1,4	0,3	0,2	1,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK	<i>Minh</i>		1,5	1,6	4,5	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK	<i>Nam</i>		1	0	1,4	2,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK	<i>Phương</i>		1,2	1,9	4,5	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118240	Trần Văn Sơn	DH14CK	<i>Sơn</i>		1	0	0,2	1,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CK	<i>Sơn</i>		1,6	1,1	1	3,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK	<i>Tài</i>		1,5	1,4	2,2	5,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002 DH14CK_01

S6.1.mch.2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giới Thi: 12:15

Phòng Thi RB403

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

1.67a

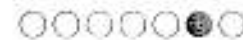
DH14C K1C (trên khí nóng làm mát)

Frame 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chức ký	Số tổ	D1 20%	D2 20%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118246	Trần Văn	Tai	DH14CK		1,5	1,9	5,5	8,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118259	Nguyễn Gia	Thế	DH14CK		1,4	0,5	2,9	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118267	Nguyễn Hoàng	Thống	DH14CK		0,2	0,5	2,7	3,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118268	Nguyễn Nhân	Thống	DH14CK		1,1	1	1,2	3,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền	DH14CK		1	0	0,8	1,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118293	Nguyễn	Trung	DH14CK		1	0,3	1,2	2,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118294	Nguyễn Phi	Trường	DH14CK		1	0	0,9	1,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118309	Bùi Thanh	Vinh	DH14CK		1,8	1	2,7	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118312	Hà Thanh	Vị	DH14CK		1	0,7	3	4,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14137005	Nguyễn Hòa	Thế	DH14NL		1,2	1,6	3	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14137057	Trần Phước	Sang	DH14NL		0,2	1,7	3,6	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14137062	Nguyễn Ngọc	Son	DH14NL		1,5	1	2,9	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14137073	Nguyễn Thanh	Thế	DH14NL		1,5	1,6	3,3	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14137092	Cao Tấn	Trung	DH14NL		1,5	0,6	1,9	4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14138024	Phạm Thị Hoàng	Phúc	DH14TD						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05096



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002, DH14CK_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD403

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153004	Nguyễn Thanh Huy	Báo			1,2	0	1,8	3	0001204567899	0123456789
17	14153009	Lê Mạnh	Cường			1,2	0,6	2,8	4,6	0001234567899	0123456789
18	14153011	Châu Mạnh	Dai			1,6	1,7	4,3	7,6	0001234567899	0123456789
19	14153013	Nguyễn Sơn	Mã			1,7	1,7	5,1	8,5	0001234567899	0123456789
20	14153019	Cao Ba	Kế			1,2	0,4	2,1	3,7	0001234567899	0123456789
21	14153025	Phạm Thành	Lâm			1,5	1,7	3,1	6,3	0001234567899	0123456789
22	14153027	Nguyễn Phan	Lợi			1,2	1,2	4	6,4	0001234567899	0123456789
23	14153028	Bùi Văn	Luân			1,7	1,3	3,4	6,4	0001234567899	0123456789
24	14153034	Lê Nhật	Nam			1,5	0	3	4,5	0001234567899	0123456789
25	14153036	Phan Trọng	Nghĩa			2	1,7	4,5	8,2	0001234567899	0123456789

Số sinh viên dự thi: 24 Số sinh viên vắng: 1

Ngày Tháng Năm

Ban tổ chức thi 1

Ban tổ chức thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Hải Đăng

 Trương Văn Thái

 Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 003 DH14CK-01

Số Tin Cl: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phong Thi PV219

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

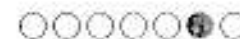
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Figure 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1		Đ2		Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
						20 %	20 %	D.S				
1	14153041	Vũ Minh	Ninh			1,5	0	2,7	4,2		001234567890	0123456789
2	14153053	Nguyễn Văn	Tinh			2	1,7	4,3	8		001234567890	0123456789
3	14153054	Đinh Ngọc	Tinh			1,7	1,7	4,2	7,6		001234567890	0123456789
4	14153067	Nguyễn Khắc	Bông			1	1	1,8	3,8		001234567890	0123456789
5	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	Chiến			1,8	1	4,2	7		001234567890	0123456789
6	14153079	Bùi Văn	Hợp			1	0	1,7	2,7		001234567890	0123456789
7	14153080	Lê Khoa	Hợp			2	1,3	3,7	7		001234567890	0123456789
8	14153163	Nguyễn Đức	Nam			1,3	1,4	2,5	5,2		001234567890	0123456789
9	14153197	Đinh Nhựt	Ninh			1,3	0,7	3,6	5,6		001234567890	0123456789
10	14153129	Phạm Hoàng	Thịnh			1,7	0,4	3,6	5,7		001234567890	0123456789
11	14153133	Nguyễn Văn	Đinh			1,5	0	2,8	4,3		001234567890	0123456789
12	14153138	Phạm Văn	Trưng			0,6	0,2	3,2	4		001234567890	0123456789
13	14153139	Lê Văn	Trương			1,1	0,7	3,3	5,1		001234567890	0123456789
14	14154005	Nông Chi	Bao			0,5	1,4	2,6	4,5		001234567890	0123456789
15	14153019	Lê Minh	Hiền			1	0,6	1,2	2,8		001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05097



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 003_DH14CK_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: PV219

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp DH1401 (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14154033	Trần Phương	Lộc	DH1401		1,7	1,5	5,4	8,6	0001234567890	00123456789
17	14154034	Đỗ Trung	Lợi	DH1401						0001234567890	00123456789
18	14154035	Hoàng Văn	Nam	DH1401		1	0,6	1,2	2,8	0001234567890	00123456789
19	14154043	Nguyễn Thanh	Quân	DH1401		1,1	1,4	1,5	4	0001234567890	00123456789
20	14154034	Điền	Quyet	DH1401		2	1,5	2,6	6,1	0001234567890	00123456789
21	14154059	Phạm Văn	Thúc	DH1401						0001234567890	00123456789
22	14154062	Nguyễn Thế	Trung	DH1401		1,3	0,3	1,1	2,7	0001234567890	00123456789
23	14154067	Đỗ Đức	Anh	DH1401		1,3	0,5	1,5	3,3	0001234567890	00123456789
24	14154133	Trương Thảo	Pha	DH1401		1,2	1,2	2,7	5,1	0001234567890	00123456789
25	14154157	Đỗ Văn	Tuấn	DH1401		0	1,5	1,8	3,3	0001234567890	00123456789

Số sinh viên dự thi 23 Số sinh viên vắng 02

Ngày tháng Năm

Chủ tịch coi thi 1

Chủ tịch coi thi 2

Xác nhận của Môn

Chủ tịch chấm thi 1

Chủ tịch chấm thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Trần Thị Kim Nga

Th. Vương Đức Tiến

Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH140T_02

Số lần CT: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

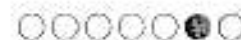
DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153114	Nguyễn Hoài Nhân	DH12CD		1	0,4	1	3	4,4	00012345678900	0123456789
2	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH12CD		1	1	1,5	4,5	7,0	00012345678900	0123456789
3	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH12CK		1	1	1,3	3,0	5,3	00012345678900	0123456789
4	14118016	Phạm Tân Đạt	DH12CK		1	1	1	3,8	5,8	00012345678900	0123456789
5	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH12CK		1	0,9	1,0	2,5	4,4	00012345678900	0123456789
6	14118018	Trần Phương Đông	DH12CK		1	1	1	0,5	2,5	00012345678900	0123456789
7	14118022	Nguyễn Mạnh Tân	DH12CK		1	1	1	1	3,0	00012345678900	0123456789
8	14118025	Lê Quang Hiệp	DH12CK		1	1	1	2,0	4,0	00012345678900	0123456789
9	14118027	Nguyễn Đan Hoàng	DH12CK		1	1	1,3	3,3	5,6	00012345678900	0123456789
10	14118030	Nguyễn Đức Lê	DH12CK		1	0,8	✓	0,5	1,3	00012345678900	0123456789
11	14118034	Cao Hữu Nhân	DH12CK		1	1	2	0,5	3,5	00012345678900	0123456789
12	14118053	Ngô Tấn Phước	DH12CK		1	1	1	0,5	2,5	00012345678900	0123456789
13	14118058	Hà Trọng Quốc	DH12CK		1	0,9	1	0,5	2,4	00012345678900	0123456789
14	14118062	Đỗ Văn Tân	DH12CK		1	0,9	1,3	1,5	3,6	00012345678900	0123456789
15	14118070	Đinh Trọng Thịnh	DH12CK		1	0,8	0,3	0	1,1	00012345678900	0123456789



Mã nhận dạng 05098



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH140T_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ	
16	4118072	Nguyễn Già	Thừa	DH14CK		1	0,9	1,3	1,0	3,2	0001234567890	0123456789
17	4118087	Nguyễn Minh	Tuần	DH14CK		1	1	1	1,5	3,5	0001234567890	0123456789
18	4118117	Lê Tiến	Công	DH14CK		1	0,8	1	0,5	2,3	0001234567890	0123456789
19	4118120	Nguyễn Minh	Cương	DH14CK		1	1	1	0,3	2,3	0001234567890	0123456789
20	4118131	Lê Văn	Hương	DH14CK		1	1	1,3	2,8	5,1	0001234567890	0123456789
21	4118134	Nguyễn Văn	Đài	DH14CK		1	1	1,5	2,5	5,0	0001234567890	0123456789
22	4118139	Hà Văn	Gạo	DH14CK		1	0,9	V	0	0,9	0001234567890	0123456789
23	4118138	Vũ Văn	Hiếu	DH14CK		1	1	1	3,5	5,5	0001234567890	0123456789
24	4118166	Vũ Văn	Hoa	DH14CK		1	1	1	2,8	4,8	0001234567890	0123456789
25	4118170	Bùi Quang	Thy	DH14CK		1	0,6	1,3	1,3	3,2	0001234567890	0123456789
26	4118185	Hoàng Nguyễn Anh	Khóa	DH14CK		1	1	1	2	4,0	0001234567890	0123456789
27	4118186	Phạm Anh	Khóa	DH14CK		1	1	2	3	6,0	0001234567890	0123456789
28	4118187	Nguyễn Hữu	Khối	DH14CK		1	0,9	2	3,5	6,4	0001234567890	0123456789
29	4118189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH14CK		1	1	1,3	3,5	5,8	0001234567890	0123456789
30	4118190	Hồ Anh Công	Lan	DH14CK		1	0,9	1	1,5	3,4	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05098



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_BH140T_02

Số tín chỉ: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp:

DH14CK (Cơ khí nóng làm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK		1	0,9	1	2,3	4,2	0012345678910	0123456789
32	14118210	Nguyễn Minh Nhật	DH14CK		1	0,8	1	3,8	5,6	0012345678910	0123456789
33	14118214	Nguyễn Xuân Phú	DH14CK		1	0,9	1	0,5	2,4	0012345678910	0123456789
34	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK		1	1	2	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
35	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK		1	0,9	1	3,5	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 35. Số sinh viên vắng: 0.

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của thí sinh

Lê Khỏe Quý

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002 DH140T_02

Số tin CT: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: PV400B

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp: DH140K (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 8%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118218	Phạm Thanh	Phong	DH140K	Phong	1	1,3	2,9	5,2	0001234567890	010123456789
2	14118223	Phạm Hoàng	Phương	DH140K	Phuong	1	1	2,2	4,2	0001234567890	010123456789
3	14118226	Nguyễn Tấn	Phước	DH140K	Phuoc	1	1,3	5,9	8,2	0001234567890	010123456789
4	14118239	Vũ Công	Sĩ	DH140K	Sĩ	1	1	1	3,0	0001234567890	010123456789
5	14118263	Nguyễn Tấn	Thiện	DH140K	Thien	1	1	1,8	3,8	0001234567890	010123456789
6	14118264	Nguyễn Xuân	Thiện	DH140K	Thien	1	1,3	1,5	3,8	0001234567890	010123456789
7	14118266	Phạm Minh	Thị	DH140K	Thi	1	1,3	3,5	5,8	0001234567890	010123456789
8	14118289	Nguyễn Minh	Tú	DH140K	Thu	1	1,3	1,0	3,3	0001234567890	010123456789
9	14118284	Nguyễn Đức	Trọng	DH140K	V	0,6	V	V	0,6	0001234567890	010123456789
10	14118311	Trần Xuân	Vinh	DH140K	Vinh	1	1	4	6,0	0001234567890	010123456789
11	14118314	Lương Trọng	Vũ	DH140K	Vu	0,9	1	2,3	4,2	0001234567890	010123456789
12	14118315	Trần Tấn	Vương	DH140K	V	0,8	1,3	V	2,1	0001234567890	010123456789
13	14118064	Lê Nguyễn Minh	Tại	DH14NL	Tai	0,9	1,3	0,0	2,1	0001234567890	010123456789
14	14117083	Vũ Quốc	Thinh	DH14NL	Thinh	0,9	1,3	4	6,2	0001234567890	010123456789
15	14117085	Đào Thanh	Trọng	DH14NL	Truong	0,8	0,5	1,5	2,8	0001234567890	010123456789



Mã nhận dạng 05099



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH14OT_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

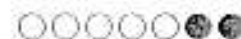
DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14137089	Đinh Nhu	Tiến	DH14NL		0,9	1,3	4,3	6,5	001234567890	0123456789
17	14137095	Trương Thế	Vinh	DH14NL		0,9	1,0	3,3	5,2	001234567890	0123456789
18	14137097	Lê Hoàng	Vin	DH14NL		0,9	1,3	3,0	5,2	001234567890	0123456789
19	14153003	Nguyễn Chí	Bao	DH14OT		1	1	2,5	4,5	001234567890	0123456789
20	14153012	Nguyễn Thuận	Dan	DH14OT		0,9	1,5	0,5	2,9	001234567890	0123456789
21	14153029	Hùng	Lập	DH14OT		1	1,5	0,5	3,0	001234567890	0123456789
22	14153045	Vũ Xuân	Quỳnh	DH14OT		1	1,5	2,3	4,8	001234567890	0123456789
23	14153102	Hồ Bảo	Lộc	DH14OT		1	1,3	2,0	4,3	001234567890	0123456789
24	14153119	Trần Trí	Lâm	DH14OT		0,6	1,5	3,3	5,4	001234567890	0123456789
25	14153124	Hồ Duy	Trần	DH14OT		1	1	3	5,0	001234567890	0123456789
26	14153143	Nguyễn Thuận	Tùng	DH14OT		1,0	1,5	2,8	5,3	001234567890	0123456789
27	14154003	Nguyễn Chí	Bao	DH14OT		0,9	1	0	1,9	001234567890	0123456789
28	14154007	Nguyễn Hoàng	Công	DH14OT		1	1	3,3	5,3	001234567890	0123456789
29	14154012	Nguyễn Tuấn	Lập	DH14OT		1	1	0,5	2,5	001234567890	0123456789
30	14154015	Nguyễn Thiên	Dan	DH14OT		1	1	2,5	4,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05099



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH140T_02

Số Tin CT: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp: DH140T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH140T			0,9	1,3	2,5	4,7	0001234567890	00123456789
32	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH140T			1	4,3	3,5	5,8	0001234567890	00123456789
33	14154029	Vũ Anh Kiệt	DH140T			✓	✓	✓	✓	0001234567890	00123456789
34	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH140T			0,8	1	0,0	1,8	0001234567890	00123456789
35	14154036	Đỗ Đức Lương	DH140T			1	✓	2,3	3,3	0001234567890	00123456789
36	14154037	Nguyễn Quốc Sĩ	DH140T			1	4,3	4,5	6,8	0001234567890	00123456789
37	14154057	Ôn Hòa	DH140T			0,9	1	0,8	2,7	0001234567890	00123456789
38	14154061	Trương Ngọc Tân	DH140T			1	1,5	4,5	7,0	0001234567890	00123456789
39	14154063	Vũ Đình Trường	DH140T			1	1	2,5	4,5	0001234567890	00123456789
40	14154068	Hồ Việt Anh	DH140T			0,9	1,0	2,0	3,9	0001234567890	00123456789
41	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH140T			1	1	4	6,0	0001234567890	00123456789
42	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH140T			1	1	5,3	7,3	0001234567890	00123456789
43	14154110	Lê Mạnh Khon	DH140T			1	1	2,3	4,3	0001234567890	00123456789
44	14154126	Phạm Anh Ngọc	DH140T			0,8	0,5	2,5	3,8	0001234567890	00123456789
45	14154139	Lê Tấn Tài	DH140T			1	0,8	2	3,8	0001234567890	00123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15NL_03

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD304

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp:

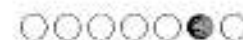
DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 16
1	12153123	Thiện Duy	Tung	DH12CD					V	0001234567890	01234567890
2	12154142	Nguyễn Đoàn	Tập	DH12CD	<i>Ng</i>	1,3	1,4	2,8	5,5	0001234567890	01234567890
3	13334042	Nguyễn Lê	Thống	1213CD	<i>Ng</i>	1,6	1	4,1	6,7	0001234567890	01234567890
4	13334074	Trương Văn	Hoàng	1213CD	<i>Hoàng</i>	1	0,5	2,9	4,4	0001234567890	01234567890
5	13334170	Tống Minh	Đại	1213CD	<i>Tống</i>	0,8	1	1,2	3	0001234567890	01234567890
6	15118035	Đu Đức Anh	Khon	DH15CK	<i>Đu</i>	1,5	0,2	0,1	1,8	0001234567890	01234567890
7	15118125	Hồ Minh	Thống	DH15CK	<i>Hồ</i>	1,6	1,5	3	6,1	0001234567890	01234567890
8	15137001	Nguyễn Huỳnh	An	DH15NL	<i>Ng</i>	1,6	1,2	1,3	4,1	0001234567890	01234567890
9	15137002	Vũ Trương	An	DH15NL	<i>Vũ</i>	1,8	0,7	1,8	4,3	0001234567890	01234567890
10	15137003	Chai Đăng Quốc	Anh	DH15NL	<i>Quốc</i>	1,7	1,8	0	3,5	0001234567890	01234567890
11	15137004	Nguyễn Chi	Đại	DH15NL	<i>Chi</i>	1,4	0,5	1,4	3,3	0001234567890	01234567890
12	15137005	Nguyễn Đức	Đại	DH15NL	<i>Đức</i>	0,1	0,1	0,5	0,7	0001234567890	01234567890
13	15137006	Phạm Văn	Chinh	DH15NL	<i>Chinh</i>	1,4	1,4	2,7	5,5	0001234567890	01234567890
14	15137007	Nguyễn Đại	Đại	DH15NL	<i>Đại</i>	0,5	0,2	3,5	4,2	0001234567890	01234567890
15	15137008	Châu Trần Minh	Đại	DH15NL	<i>Châu</i>	1,4	0,8	1,9	4,1	0001234567890	01234567890



Mã nhận dạng 05100



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15N1_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD304

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH15N1 (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137009	Lê Thuận	Được	Dhieu		1,2	0,6	4,3	6,1	00012345678910	0123456789
17	15137010	Lư Khắc	Được	Luu		0	0,6	0,6	1,2	00012345678910	0123456789
18	15137011	Nguyễn Hoàng	Của						V	00012345678910	0123456789
19	15137012	Vũ Đức	Của	Suu		0,3	1,3	1	2,6	00012345678910	0123456789
20	15137013	Nguyễn Trương	Của			1,8	1,9	5	8,7	00012345678910	0123456789
21	15137014	Nguyễn Ngọc	Hai	Thao		1	1,6	1,8	4,4	00012345678910	0123456789
22	15137015	Trương Hồng	Hai	Bac		1,6	1,6	4,5	7,7	00012345678910	0123456789
23	15137016	Lê Công	Hai	Le		0,8	0,2	1,5	2,5	00012345678910	0123456789
24	15137017	Phạm Phước	Hai	Pham		1,2	0,5	2,5	4,2	00012345678910	0123456789
25	15137018	Trần	Hiền						V	00012345678910	0123456789
26	15137019	Dương Hòa	Hiền	Thien		1,8	1,9	5,9	9,6	00012345678910	0123456789
27	15137020	Trần Vũ Trọng	Hiền	Thien		1,3	1,1	2,2	4,6	00012345678910	0123456789
28	15137022	Trần Văn	Hoài	Thao		1,2	0,2	5,4	6,8	00012345678910	0123456789
29	15137023	Quách Nguyễn Kim	Hàng	Thao		1,6	1	1,8	4,4	00012345678910	0123456789
30	15137024	Vũ Quang	Hàng						V	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05100



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15NL_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD304

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm t. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL	<i>Phan</i>		1,5	1,8	4,6	7,9	00002345678910	0103456789
32	15137026	Mai Hữu	DH15NL	<i>mai</i>		0,4	0	0,3	0,7	000012345678910	0103456789
33	15137027	Nguyễn Hoàng	DH15NL	<i>Ng</i>		1	0,2	0,3	1,5	00002345678910	0103456789
34	15137029	Phạm Đăng	DH15NL	<i>HUY</i>		1,3	0,2	1	2,5	00002345678910	0103456789
35	15137030	Vũ Gia	DH15NL	<i>Phan</i>		0,5	0	1	1,5	00002345678910	0103456789
36	15137031	Nguyễn Hữu	DH15NL	<i>Phan</i>		1,3	0,2	0,6	2,1	00002345678910	0103456789
37	15137032	Nguyễn Bách	DH15NL	<i>khóa</i>		1,5	0,7	3,2	5,4	00002345678910	0103456789
38	15137033	Nguyễn Thành	DH15NL						V	00002345678910	0103456789
39	15137034	Phạm Thành	DH15NL	<i>Phan</i>		1,6	1,8	5,7	9,1	00002345678910	0103456789

Số sinh viên dự thi: 34 Số sinh viên vắng: 04

Ngày Tháng Năm

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của thí sinh

Chữ ký của Bộ Môn

Chữ ký của Bộ Chấm Thi 1

Chữ ký của Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Phạm Quang Thắng

TC. Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD204

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp:

DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	B1 20%	B2 20%	B. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL		1	1,9	1,5	5,1	8,5	0001234567890	001234567890
2	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL		1	1,3	1,8	3,9	7	0001234567890	001234567890
3	15137037	Lê Nguyễn Trọng	DH15NL	✓	✓				✓	0001234567890	001234567890
4	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL		1	1,5	1,4	5,1	8	0001234567890	001234567890
5	15137039	Lê Nam	DH15NL		1	0,1	0	0,3	0,4	0001234567890	001234567890
6	15137040	Nguyễn Minh Phương	DH15NL		1	1,2	0,8	3,3	5,3	0001234567890	001234567890
7	15137041	Trần Duy	DH15NL		1	1,4	1,3	2,1	4,8	0001234567890	001234567890
8	15137043	Nguyễn Văn Sung	DH15NL		1	1,8	1,4	3,3	6,5	0001234567890	001234567890
9	15137044	Trần Xuân	DH15NL		1	1,8	1	3	5,8	0001234567890	001234567890
10	15137045	Võ Kim	DH15NL		1	0,7	0,5	0	1,2	0001234567890	001234567890
11	15137046	Nguyễn Thành Lâm	DH15NL		1	1,5	0,7	2,1	4,3	0001234567890	001234567890
12	15137048	Nguyễn Đình Nhật	DH15NL		1	0,4	0,4	0,6	1,4	0001234567890	001234567890
13	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL		1	1,5	1,6	5,9	9	0001234567890	001234567890
14	15137050	Phan Minh	DH15NL		1	1	0,5	2,9	4,4	0001234567890	001234567890
15	15137052	Lê Văn	DH15NL		1	1,6	0,5	2,4	4,5	0001234567890	001234567890



Mã nhận dạng 05101

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp

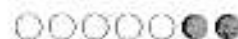
DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm B
16	15137053	Bùi Văn	Thí	DH	1	1,3	1,5	1,2	4	00012345678900	0123456789
17	15137054	Chai Đức	Thiện	DH	1	1,1	1,3	1,2	3,6	00012345678900	0123456789
18	15137055	Trần Ngọc	Thiện	Thien	1	1	1,4	0,6	3	00012345678900	0123456789
19	15137056	Huyền Pháo	Thịnh	DH	1	0,9	1,3	0,9	3,1	00012345678900	0123456789
20	15137057	Lê Hữu	Tho	DH	1	1,8	1,4	3,6	6,8	00012345678900	0123456789
21	15137058	Nguyễn Thanh	Hiên	DH	1	1,8	1,7	5	8,5	00012345678900	0123456789
22	15137059	Phan Nita	Hiên	DH	4	1,2	0,4	2,1	3,7	00012345678900	0123456789
23	15137060	Trần Minh	Toàn	DH	1	1,7	1,7	5,3	8,7	00012345678900	0123456789
24	15137061	Hàng Phấn M	Trí	DH	1	1,2	0,4	1,5	3,1	00012345678900	0123456789
25	15137062	Phạm Hoàng Ngọc	Trí	DH	1	0,6	0,5	0,3	1,4	00012345678900	0123456789
26	15137063	Nguyễn Phan	Trịnh	DH	1	0,8	0,5	0,7	2	00012345678900	0123456789
27	15137064	Trần Bảo	Trọng	DH	1	1,5	1	3,3	5,8	00012345678900	0123456789
28	15137065	Lê	Trọng	DH	1	1,8	1,5	4,2	7,5	00012345678900	0123456789
29	15137067	Nguyễn Hải An	Trúc	DH	1	1,4	1,5	0,1	3	00012345678900	0123456789
30	15137068	Nguyễn Minh	Trúc	DH	2	2	1,9	3,9	7,8	00012345678900	0123456789



Mã nhận dạng 05101



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	MSSV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm B
31	15137969	Lê Quang Vinh	DH15NL	<i>Lê Vinh</i>	1	1,3	1,5	0,9	3,7	00012345678910	00123456789
32	15137970	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL	<i>Nguyễn Anh Vũ</i>	1	1,3	0,7	1,2	3,2	00012345678910	00123456789
33	15137971	Nguyễn Duy Khánh	DH15NL	<i>Nguyễn Duy Khánh</i>	1	1,2	1	1,1	3,3	00012345678910	00123456789
34	15137972	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL	<i>Nguyễn Quang Nhật</i>	1	1,2	1,4	3,1	5,7	00012345678910	00123456789
35	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15NL	<i>Đặng Hoàng Anh</i>	1	0,5	0,5	1,2	2,2	00012345678910	00123456789
36	15138004	Trần Hải Bào	DH15NL	<i>Trần Hải Bào</i>	1	1,4	1,7	2,4	5,5	00012345678910	00123456789
37	15138012	Nguyễn Hàm Đạt	DH15NL	<i>Nguyễn Hàm Đạt</i>	1	1,2	0,8	3,4	5,4	00012345678910	00123456789
38	15138037	Phạm Lộc	DH15NL	<i>Phạm Lộc</i>	1	1,5	0,6	4,3	6,4	00012345678910	00123456789
39	15138047	Phạm Thị Đức	DH15NL	<i>Phạm Thị Đức</i>	1	1,2	1,5	3,9	6,6	00012345678910	00123456789
40	15138046	Vũ Khắc Hoàn	DH15NL	<i>Vũ Khắc Hoàn</i>	1	1,6	1,3	4,5	7,4	00012345678910	00123456789

Số sinh viên thi 39 Số sinh viên vắng 01

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Chủ bộ coi thi 1

Chủ bộ coi thi 2

Xác thực của Bộ Môn

Chủ Bộ Coi Thi 1

Chủ Bộ Coi Thi 2

*Lê Quang Hiến**Nguyễn Văn Ngọc**TS. Vương Văn Tiên**Nguyễn Thị Phương Thảo*

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001 DH15CC 01

Sà Tin Ch 2

Nguy Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

1,095

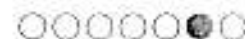
DH09CD17 (Đại học Chính quy (Tín chỉ)-Cơ điện tử-2409)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tổ	D1 %	D2 %	Đ Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	09153053	Phùng Đăng Khoa	ĐH69CĐ17			0,7	0,3	3	4	0001234567890	1123456789
2	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	ĐH12C3*			1	0,4	4	5,4	0001234567890	0123456789
3	13118037	Nguyễn Xuân	ĐH13C1			1,2	0	3,5	4,7	0001234567890	0123456789
4	13118046	Kim Thế Sơn	ĐH13C1*			1,2	0	4	5,2	0001234567890	0123456789
5	13118065	Lương Hữu Vĩnh	ĐH13C1*			1,3	0	4	5,3	0001234567890	0123456789
6	13118255	Hồ Hoàng Sơn	ĐH13C.K			1,2	0	4,5	5,7	0001234567890	0123456789
7	13118286	Phạm Minh Hoàng	ĐH13C.K			1,3	0	4	5,3	0001234567890	0123456789
8	13118291	Phạm Hòa Thương	ĐH13C.K			0,9	0	4	4,9	0001234567890	0123456789
9	15118338	Phạm Minh Tuấn	ĐH13C.C			0,1	0	4	4,1	0001234567890	023456789
10	15118342	Nguyễn Xuân Long	ĐH13C.C*			1,3	0	4	5,3	0001234567890	0123456789
11	15118344	Bùi Văn Tuấn	ĐH13C.C			1,3	0	3,5	4,8	0001234567890	0123456789
12	15153006	Nguyễn Tuấn Đức	ĐH15C.D			0,9	0	3,5	4,4	0001234567890	0123456789
13	15153144	Trương Văn Lê	ĐH15C.D			0,9	0	2	2,9	0001234567890	0123456789
14	15153232	Nguyễn Thành Tiên	ĐH15C.D			1,1	0	4	5,1	0001234567890	0123456789
15	14118068	Nguyễn Đăng Châu	ĐH14C.K			1	0	4	5	0001234567890	1123456789



Mã nhận dạng 05102



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001_DH15CC_01

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: R3302

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp: DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tổ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118036	Nguyễn Thanh	Lê	DH14CC		0,8	0	4	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118057	Tu Minh	Quản	DH14CC		0,4	0,2	3,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118061	Lê Tiến	Hải	DH14CC		0,7	0	4	4,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118063	Huy nh Nguyễn	Đàm	DH14CC					✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118089	Nguyễn Ninh	Tuyên	DH14CC		0,7	0	3,5	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118114	Thái Văn	Chiến	DH14CC		1,3	0	4	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118135	Nguyễn Phúc	Đạt	DH14CC		1,3	0	4	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118162	Bùi Xuân	Hương	DH14CC		1	0	3	4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118187	Nguyễn Tiến	Khôi	DH14CC		0,9	0	4	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118192	Lê Thanh	Lương	DH14CC		1,1	0	4	5,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi:Số sinh viên vắng:

Ngày Tháng Năm

Chủ bộ coi thi 1

Chủ bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Chủ Bộ Chấm Thi 1

Chủ Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Ngọc Thạch

Lê Bá Xích

TS. Võ Hồng Tiến

Phạm Đức Dũng

Nguyễn Hải Đăng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CC_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

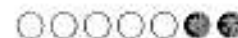
Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp: DH14CC (Cơ khí chế biến bao quản NSTP)

Trang 1

STT	Xếp SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC	<i>Phát</i>		1,6	0	4	5,6	0001234567890	0123456789
2	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CC	<i>Phi</i>		1,3	0	4,5	5,8	0001234567890	0123456789
3	14118232	Lê Văn Nhật Quang	DH14CC	<i>Quang</i>	✓			✓	✓	0001234567890	0123456789
4	14118236	Nguyễn Văn Sung	DH14CC	<i>Sung</i>		0,9	0	4	4,9	0001234567890	0123456789
5	14118249	Phạm Tuấn Anh	DH14CC	<i>Anh</i>		1	0	4	5	0001234567890	0123456789
6	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CC	<i>Truyền</i>		0,3	0,3	0,5	1,1	0001234567890	0123456789
7	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CC	<i>Xuân</i>		0,9	0	0,5	1,4	0001234567890	0123456789
8	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CC	<i>Cường</i>		0,9	0	4	4,9	0001234567890	0123456789
9	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC	<i>Dương</i>		1,1	0,3	4	5,4	0001234567890	0123456789
10	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC	<i>Dương</i>		0,2	0,3	3,5	4	0001234567890	0123456789
11	15118027	Phạm Khắc Duy	DH15CC		✓				✓	0001234567890	0123456789
12	15118028	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC		✓				✓	0001234567890	0123456789
13	15118030	Nguyễn Ngọc Tấn	DH15CC	<i>Tấn</i>		0	0	2	2	0001234567890	0123456789
14	15118032	Ngô Dự Hiệp	DH15CC	<i>Hiệp</i>		0,7	0,5	4	5,2	0001234567890	0123456789
15	15118034	Hoàng Anh Hiền	DH15CC	<i>Hiền</i>		1,1	0	2	3,2	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05103

Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Vệ cơ khí (207122) - 002_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp

DH15CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Tỉ Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118079	Nguyễn Thanh	Phong	DH15CC		1,2	0,4	4	5,6	0012345678910	0123456789
32	15118081	Trương Văn	Phúc	DH15CC		1,3	0,3	2	3,6	0012345678910	0123456789
33	15118082	Lê Bá	Quân	DH15CC	✓				✓	0012345678910	0123456789
34	15118084	Bùi Quốc	Quý	DH15CC		1,3	0,3	4	5,6	0012345678910	0123456789
35	15118085	Vũ Văn	Quốc	DH15CC		0,6	0	2	2,6	0012345678910	0123456789
36	15118086	K"	Sơn	DH15CC		1	1,1	4	6,1	0012345678910	0123456789
37	15118087	Nguyễn Thanh	Sơn	DH15CC		1,1	0	4	5,1	0012345678910	0123456789
38	15118097	Vũ Trung	Thánh	DH15CC		0,8	0	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
39	15118108	Lê Trung	Tỉnh	DH15CC		0,8	0,3	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
40	15118111	Trần Văn	Toàn	DH15CC		1,2	0,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
41	15118114	Lê Đức	Ti	DH15CC	✓				✓	0012345678910	0123456789
42	15118115	Vũ Minh	Ti	DH15CC	✓				✓	0012345678910	0123456789
43	15118118	Nguyễn Bảo	Trọng	DH15CC		0,9	0,4	4	5,3	0012345678910	0123456789
44	15118119	Nguyễn Đức	Trọng	DH15CC	✓				✓	0012345678910	0123456789
45	15118124	Bùi Anh	Tuấn	DH15CC		1,2	0,9	4	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05103

Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CC_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV103

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp: DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			1,1	0	2	3,1	00012345678910	0123456789
47	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC			0,7	0	3,5	4,2	00012345678910	0123456789
48	15118130	Hoàng Văn Vàng	DH15CC			0,9	0	3,5	4,4	00012345678910	0123456789
49	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			1,4	0,9	3,5	5,8	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 41. Số sinh viên vắng: 8.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Ban bộ coi thi 1

Ban bộ coi thi 2

Lê Quang Đức

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Nguyễn Hải Đăng

Ban Bộ Chấm Thi 1

Phạm Đức Dũng

Ban Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001 DH15CK 02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 16/06/2016

Giờ Thứ: 12:15

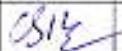
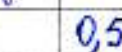
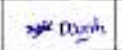
Phòng Thí PV227

Giảng viên:Phạm Đức Dũng

1.07

DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118022	Đinh Công Sơn	DH12CK			1,6	1	5	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118058	Nguyễn Tấn Lộc	DH12CC			1,3	0,5	4	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118092	Nguyễn Chí Thanh	DH12CK			1,4	0,8	4	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118108	Lê Quang Trọng	DH12CK			0,4	0,8	3	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153167	Trương Phát Đạt	DH13CTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15118003	Nguyễn Bình An	DH15CK			0,4	0,3	0,5	1,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15118002	Phan Huỳnh An	DH15CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15118004	Nguyễn Lê Bao	DH15CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CK			0,9	0,5	4	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15118010	Lâm Văn Đạt	DH15CK			0,5	0,5	3,5	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15118011	Lê Văn Đạt	DH15CC			1,3	0,5	5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15118012	Trần Thanh Đình	DH15CK			0,9	0	3,5	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05104



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001_DH15CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: PV227

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp: DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tả điểm nguyên	Tả điểm lẻ
16	15118013	Bùi Trọng Đạt	DH15CK	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK	<i>Châu Tấn Đạt</i>		1,2	0,1	4	5,3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
18	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK	<i>Phạm Hữu Định</i>		1,1	0	2	3,1	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15118017	Đoàn Ngọc Đồng	DH15CK	<i>Đoàn Ngọc Đồng</i>		1,3	0,1	4	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
21	15118019	Nguyễn Tấn Dũng	DH15CK	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK	<i>Trần Hoàng Dũng</i>		0,1	0,3	3	3,4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
24	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK	<i>Ngô Hồng Duy</i>		1,2	1,3	4	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
25	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CK	<i>Nguyễn Ngọc Hải</i>		1,6	0,9	4	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
26	15118031	Nguyễn Đình Hoàng ^A	DH15CK	<i>Nguyễn Đình Hoàng</i>		0,5	0,5	3	4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK	<i>Nguyễn Trọng Hiếu</i>		0,7	0,9	5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
28	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK	<i>Nguyễn Công Hòa</i>		1,2	1,2	4	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002 DH15CK 02

Số Tin Ch. 2

Near Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên:Phạm Đức Dũng

1.000

DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Frage 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK	<i>hoàng</i>		1	0,9	3,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK	<i>hưng</i>		0,9	0,1	0,5	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK	<i>huy</i>		1,2	0,1	4	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15118045	Dư Đức Anh Khoa	DH15CK	<i>✓</i>					<i>✓</i>	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15118046	Trần Văn Khon	DH15CK	<i>khon</i>		1,3	0,1	4	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC	<i>✓</i>					<i>✓</i>	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15118050	Phạm Ngọc Lâm	DH15CK	<i>✓</i>					<i>✓</i>	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC	<i>lợi</i>		1,5	0,5	4	6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK	<i>long</i>		1,1	0,5	3,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK	<i>long</i>		1,2	0,1	4	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15118056	Nguyễn Nhựt Long	DH15CK	<i>long</i>		1	0,5	3	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC	<i>long</i>		1,3	0,9	2	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15118058	Nguyễn Thành Tuấn	DH15CK	<i>thành</i>		1	0,1	2	3,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15118060	Phạm Văn Minh	DH15CK	<i>phạm</i>		0,2	0,1	4	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15118062	Lương Văn Minh	DH15CK	<i>minh</i>		0,4	0,4	3,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05105



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CK_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp **DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			1,2	0,7	4	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	15118069	Võ Văn Nam	DH15CK			1,2	0,1	4,5	5,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	15118070	Lý Nghé	DH15CK			1	0,4	4	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			1,3	0	4	5,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15118073	Phạm Đỗ Trung Nghĩa	DH15CK			0	0	0,5	0,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	15118075	Nguyễn Thành Nhân	DH15CK	✓					✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK	✓					✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK	✓					✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			0,3	0,1	3	3,4	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
25	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			0,3	0,1	4	4,4	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK			1,4	0,1	3,5	5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			1	0,9	3,5	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
28	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK			1,2	0,7	4,5	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
29	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			1	0,1	3	4,1	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			1,1	1	2	4,1	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05105



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CK_02

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

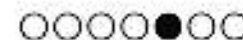
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118096	Nguyễn Thiện	Thành	DH15CC	✓				✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15118098	Nguyễn Văn	Thế	DH15CK	✓				✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15118099	Huỳnh Nhật	Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>	0,3	0	3	3,3	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15118100	Nguyễn Văn	Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>				✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15118102	Phạm Văn	Thịnh	DH15CK	<i>Phạm Văn</i>	1,2	0,6	3	4,8	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
36	15118104	Hoàng Ngọc	Tiến	DH15CK	<i>Thị</i>	1,3	0,1	4	5,4	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
37	15118105	Nguyễn Hồng	Tiến	DH15CC	<i>Hồng</i>	0,3	0,1	4	4,4	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
38	15118106	Trần Trung	Tín	DH15CK	<i>Trần Trung</i>	0,9	0,4	3,5	4,8	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
39	15118107	Huỳnh Ngọc	Tinh	DH15CK	<i>Tinh</i>	1,1	0,1	4	5,2	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toán	DH15CK	<i>Anh</i>	1	0,1	4	5,1	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118112	Nguyễn Hữu	Trần	DH15CC	<i>Hữu</i>	1,3	0,5	4	5,8	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
42	15118117	Lý Ngọc	Trọng	DH15CK	<i>Trọng</i>	1,1	0	4	5,1	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15118120	Trần Nguyễn Quốc	Trung	DH15CK	<i>Quốc</i>	1	0	3	4	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15118121	Lê Quang	Trường	DH15CK	<i>Quang</i>	1,1	0,1	4	5,2	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15118123	Trần Thanh	Tú	DH15CK	<i>Thanh</i>	0,8	0	2,5	3,3	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05105



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Về cơ khí (207122) - 002_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp DH15CK (Cơ khí nâng lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			1,2	0,6	5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,1	0,5	4,5	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			1,3	0,4	4	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK						✓	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			1,3	0,5	4	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			0,5	0,4	3,5	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			1,3	0,5	3	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	15118139	Nguyễn Thanh Ý	DH15CK			0,4	0,3	4	4,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	15118140	Trương Đình Khoa	DH15CK			0,9	0,5	3	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 44 Số sinh viên vắng: 10

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Kiều Hiệp Tiến

Phạm Đức Dũng Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tả điểm lẻ
1	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			4,3	4,3		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			4,3	4,3		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	14138005	Phạm Quốc Dũng	DH14TD			2,7	2,5		5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			4,1	4,1		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD			3	3		6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14138015	Trần Đăng Khoa	DH14TD						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14138018	Nguyễn Hoàng Long	DH14TD			4,7	4,7		9,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD			4,7	4,7		9,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD			4	4		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD			4,3	4,4		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	14138028	Phan Văn Sỹ	DH14TD			4,2	4,2		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138031	Tổng Ngọc Anh Thư	DH14TD			4,4	4,5		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	14138047	Lương Hồng Đông	DH14TD			3,5	3,9		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	14138056	Võ Thành Hưng	DH14TD			4,4	4,5		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	14138064	Lê Đình Long	DH14TD			4,1	4,1		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14138070	Lê Thành Nghĩa	DH14TD			4,2	4,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
17	14138071	Nguyễn Thị Kiều	DH14TD			4,2	4,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD			4,2	4,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thước tập gia công cắt - gọt (207126) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD			4,3	4,4		8,7	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14153118	Phan Thương Hoài L Tâm	DH14CD			4,5	4,6		9,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14154014	Doãn Minh Độ	DH14OT			4,5	4,6		9,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT						✓	②①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DH14OT			4,5	4,6		9,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Dr. Vignesh
Dr. Vignesh Nair

10/10/2019
N.V. Kiep

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			4,1	4,2		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
2	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK			3,4	3,5		6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
3	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			4,7	4,7		9,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
4	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD			4,6	4,6		9,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
5	14138007	Sầm Văn Đạo	DH14TD			4,1	4,2		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
6	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			3,7	3,7		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
7	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			3,9	4		7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
8	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD			3,4	3,5		6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
9	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD			4,6	4,6		9,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
10	14138032	Lâm Văn Tiến	DH14TD			3,7	4		7,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
11	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			4,4	4,5		8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
12	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD			4,6	4,6		9,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
13	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD			3,4	3,4		6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
14	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD			3,2	3,2		6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
15	14138068	Vô Lê Hoài Nam	DH14TD			3,9	4		7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
16	14138077	Vô Văn Phương	DH14TD			4,1	4,2		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
17	14138088	Nguyễn Đăng Trung Thành	DH14TD			4,4	4,4		8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○
18	14138091	Đương Thanh Thảo	DH14TD			3,4	3,4		6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ○ ○

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14138100	Nguyễn Văn Tĩnh	DH14TD			4,6	4,6		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14138104	Phan Văn Toàn	DH14TD			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD			4,7	4,7		9,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
22	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14153016	Trần Dương Hoan	DH14CD			4,2	4,2		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
24	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH14OT			3,9	3,9		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	14154097	Hoàng Văn Hòa	DH14OT			3,9	3,9		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS Trương Thái Trích


N.V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			4,7	2,5		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118210	Nguyễn Minh Nhật	DH14CK			4,9	2,3		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14137003	Nguyễn Tấn Minh	DH14NL			4,8	2,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			5,3	2,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			5,6	2,9		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			5,6	1,8		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			5,9	2,3		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			5,9	2,6		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14137031	Nguyễn Trần Nhật Hào	DH14NL			0	0		0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14137034	Võ Trọng Hiền	DH14NL			4,4	2,2		6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL			5,2	2,4		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			0	0		0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			5,7	2,6		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14137051	Nguyễn Hữu Nhật	DH14NL			5,9	2,3		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL			4,6	2,3		6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			6,6	2,9		9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14137083	Vũ Quốc Tinh	DH14NL			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14137085	Dinh Thành Trọng	DH14NL			5,4	2,5		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	14137089	Dinh Như Tuấn	DH14NL			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
21	14137091	Phạm Đức Tuyển	DH14NL			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
22	14137093	Trần Bá Tùng	DH14NL			5,5	1,8		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			5,3	2,7		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14153016	Trần Dương Hoàn	DH14CD			5	2,8		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	14154018	Trần Bá Hiên	DH14OT			5	2,1		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

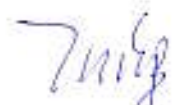
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Văn Đông


N.V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			5,6	2,4		8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			5,7	2,6		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			5	2,9		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			5,2	2,6		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	14137018	Trương Hoàng Dù	DH14NL			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	14137032	Dặng Hoàng Hào	DH14NL			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	14137046	Nguyễn Nhật Khou	DH14NL			4,6	2,4		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14137048	Lê Thế Lực	DH14NL			4,9	2		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	14137053	Lê Minh Nhật	DH14NL			5,7	2,6		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			4,9	2,5		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			6,2	2,4		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			5,2	2,6		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			4,5	2,4		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL			5	2,4		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL			5,6	2,4		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			4,7	2,4		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14137073	Nguyễn Thanh Thế	DH14NL			5	2,4		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 12054

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL			4,9	2,4		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DH14NL			4,8	2,2		7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	②①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14154006	Phạm Văn Bảo	DH14OT			5,5	2,7		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			5,6	2,5		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH14OT			5,9	2,9		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14154097	Hoàng Văn Hòa	DH14OT			5,6	2,4		8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

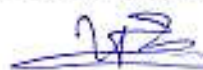
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

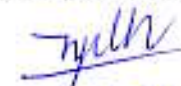
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Lê Thanh Tiệp


N. V. Kiệp


NG. Thị Phương Thảo



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT			4,6	0		4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			5,2	2,3		7,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC			0	0		0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC			0	0		0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			5	2,2		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			5,3	2,4		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			5,9	2,7		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			5,9	2,7		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			5	1,8		6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			4,8	1,6		6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			5,5	2,5		8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL			5,5	1,9		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			5,2	2,4		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	14153118	Phan Thương Hoài L.	DH14CD			5,6	2,8		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT			5,9	2,1		8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14154010	Nguyễn Văn Đan	DH14OT			5,6	2		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT			5,9	2,7		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TS. Vương Văn Tiến

N.V. Kiệp

Ngô Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			5,7	2,8		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			5	2,4		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			5,3	2,3		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
4	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			4,9	2,4		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	14118037	Trần Đình Hải Long	DH14CC			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
7	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			5,6	2,6		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			4,6	2,4		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			5,3	2,8		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC			4	2,5		6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			5,9	2,5		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118094	Lê Minh Vồ	DH14CC			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			5,7	2,8		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			5,6	2,4		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC			5	2,3		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118193	Trần Như Long	DH14CC			5,3	2,7		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118208	Võ Tấn Nguyên	DH14CC			5	2,7		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			4,8	2,4		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			6	2,5		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			5,9	2,7		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			5,7	2,7		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14153134	Nguyễn Thanh Thuận	DH14CD			5	2,1		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

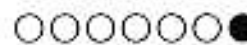
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Tấn Tấn


N.V. Kiệp


Ngô Thị Phương Thảo



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			5,7	2,8		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	14118021	Dỗ Kỳ Hà	DH14CC			5,5	2,6		8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118024	Phạm Thanh Hiền	DH14CC			0	0		0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			5,2	2,6		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			5,7	2,8		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC			4,5	2,3		6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			4,6	1,7		6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			5,7	2,6		8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			6,6	2,9		9,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			5,9	2,4		8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			5,3	2,4		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
12	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			6,2	2,8		9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC			5,9	2,7		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			5,6	2,8		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			5,6	2,4		8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			5,7	2,4		8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			5,7	2,3		8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			5,3	2,9		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118308	Lê Trọng Văn	DH14CC			5	2,4		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
21	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD			5,3	4,8		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT			5,7	2,6		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT			5,2	2,6		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH14OT			6,2	2,7		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DH14OT			5,9	2,4		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


K. Kienh Hoa Tich


N. V. Kiep


Ng Thi Phuong Thao